## Phần thứ nhất

# SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

## 1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

### 1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/TTg ngày 24 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập đa ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có chất lượng cao gồm: đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kĩ thuật và quản lí kinh tế các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của Tỉnh và các địa phương khác trong cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định cho phép Trường mở 38 ngành đào tạo bậc đại học, cao đẳng; 2 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 16 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

- Quyết định số 3619/QĐ-BGDĐT ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số 62 20 01 21.

- Quyết định số 4065/QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, mã số 62 62 01 10.

- Quyết định số 4238/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, mã số 60 62 01 10.

- Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 07/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, mã số 60 22 01 02.

- Quyết định số 5645/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Toán giải tích, mã số 60 46 01 02.

- Quyết định số 5280/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số 60 22 01 21.

- Quyết định số 1119/QĐ-BGDĐT ngày 22/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-tiếng Việt, mã số 60 14 01 11.

- Quyết định số 1105/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Vật lí lí thuyết và Vật lí toán, mã số 60 44 01 03.

- Quyết định số 5001/QĐ-BGDĐT ngày 25/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Vật lí chất rắn, mã số 60 44 01 04.

- Quyết định số 1586/QĐ-BGDĐT ngày 6/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, mã số 60 22 03 13.

- Quyết định số 09/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Phương pháp toán sơ cấp, mã số 60 46 01 13.

- Quyết định số 4503/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, mã số 60 34 01 02.

- Quyết định số 487/QĐ-BGDĐT ngày 11/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Thực vật học, mã số 60 42 01 11.

- Quyết định số 1050/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, mã số 60 14 01 14.

- Quyết định số 4826/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính, mã số 60 48 01 01.

### 1.2. Cơ cấu tổ chức

Hiện tại, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm có Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học & Đào tạo, 11 Phòng, 3 Ban chức năng và 12 Khoa, 6 Trung tâm và Trạm Y tế, cụ thể như sau:

#### *1.2.1 Hệ thống các Khoa đào tạo*

Trường hiện có 12 Khoa đào tạo:

- Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

- Khoa Kĩ thuật - Công nghệ
- Khoa  Nông Lâm Ngư nghiệp
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Khoa Khoa học Xã hội
- Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông
- Khoa Giáo dục Tiểu học
- Khoa Giáo dục Mầm non
- Khoa Ngoại ngữ
- Khoa Lí luận Chính trị
- Khoa Tâm lí Giáo dục
- Khoa Giáo dục thể chất

***1.2.2 Hệ thống các Phòng, Ban, Trung tâm:***

***1.2.2.1 Hệ thống các Phòng, Ban:***

- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Quản lý Đào tạo
- Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học
- Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
- Phòng Quản trị vật tư và thiết bị
- Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng
- Phòng Thanh tra
- Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên
- Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Phòng Hành chính tổng hợp
- Phòng Hợp tác quốc tế
- Ban Quản lí Nội trú
- Ban Quản lí Dự án xây dựng
- Ban Bảo vệ.

***1.2.2.2 Hệ thống các Trung tâm:***

- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
- Trung tâm giáo dục thường xuyên
- Trung tâm Giáo dục quốc tế
- Trung tâm Thông tin và Thư viện
- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học và Công nghệ
- Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Trạm Y tế.

### 1.3. Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức từ ngày thành lập đến nay (1997-2016)

#### *1.3.1. Về đào tạo*

##### *1.3.1.1. Đào tạo thạc sĩ*

Năm 2007, Trường Đại học Hồng Đức được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ. Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, Nhà trường đã được phép tổ chức đào tạo 16 chuyên ngành thạc sĩ,, 03 chuyên ngành tiến sĩ với 534 học viên đã tốt nghiệp, 581 học viên và 8 NCS đang theo học, số liệu cụ thể như sau:

***Bảng 1. Số lượng học viên đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ các chuyên ngành:***

| *TT* | *Tên chuyên ngành* | *QĐ năm* | *Số HV đã tốt nghiệp* | *Số HV, NCS đang học* | *Ghi chú* |
|---|---|---|---|---|---|
| | ***Trình độ tiến sĩ*** | | | | |
| *1* | *Khoa học cây trồng* | *2014* | | *2* | |
| *2* | *Văn học Việt Nam* | *2014* | | *6* | |
| | ***Trình độ thạc sĩ*** | | | | |
| 1 | Khoa học cây trồng | 2007 | 89 | 43 | |
| 2 | Toán giải tích | 2008 | 96 | 41 | |
| 3 | Ngôn ngữ Việt Nam | 2008 | 50 | 7 | |
| 4 | Văn học Việt Nam | 2009 | 92 | 36 | |
| 5 | Lí luận&PPDH bộ môn Văn-tiếng Việt | 2012 | 48 | 20 | |
| 6 | Lịch sử Việt Nam | 2013 | 52 | 25 | |
| 7 | Vật lí LT& Vật lí toán | 2013 | 53 | 29 | |
| 8 | Vật lí chất rắn | 2013 | 14 | 27 | Tuyển sinh từ 2014 |
| 9 | Phương pháp toán sơ cấp | 2014 | 27 | 39 | Tuyển sinh từ 2014 |
| 10 | Quản trị kinh doanh | 2014 | 13 | 152 | Tuyển sinh từ 2015 |
| 11 | Thực vật học | 2015 | | 38 | Tuyển sinh từ 2015 |
| 12 | Quản lý giáo dục | 2015 | | 79 | Tuyển sinh từ 2015 |
| 13 | Khoa học máy tính | | | 26 | Tuyển sinh từ 2016 |
| 14 | Đại số và lý thuyết số | | | 19 | Tuyển sinh từ 2016 |
| 15 | Động vật học | | | | Tuyển sinh từ 2017 |
| 16 | Hóa hữu cơ | | | | Tuyển sinh từ 2017 |
| | | | 534 | 589 | |

#### *1.3.1.2. Đào tạo đại học, cao đẳng*

Từ khi thành lập đến nay, qui mô đào tạo đại học, cao đẳng của Nhà trường ngày một tăng; hình thức đào tạo, cơ cấu ngành nghề liên tục được nghiên cứu điều chỉnh; ngành nghề đào tạo bậc đại học được phát triển vững chắc, gắn với nhu cầu xã hội; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng lên. Trong gần 20 năm qua, số ngành đào tạo bậc đại học của nhà trường tăng gần gấp 13 lần, từ 3 ngành (năm học 1998-1999) lên 38 ngành (năm học 2013-2014); ngành đào tạo bậc cao đẳng tăng từ 17 lên 22 ngành ; khối Sư phạm tăng từ 2 lên 12 ngành; khối Nông lâm nghiệp từ 1 lên 7 ngành; khối Công nghệ từ 1 lên 8 ngành; khối Kinh tế ban đầu chỉ đào tạo cao đẳng đến nay đã đào tạo 4 ngành đại học. Số sinh viên hệ chính qui tăng từ 3.486 sinh viên (năm 1997) lên 8.368 sinh viên (năm 2014).

Từ năm 2002, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở rộng vùng tuyển sinh tới các tỉnh phía Bắc. Hiện đã có sinh viên của các tỉnh, thành trong cả nước về học tập tại Trường. Nhà trường chú trọng đổi mới chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng phát triển các ngành thuộc khối Kĩ thuật - Công nghệ... ; phấn đấu đến năm 2020, quy mô đào tạo của Trường được mở rộng với 12.600 học sinh sinh viên, trong đó có 50 nghiên cứu sinh, 500 học viên cao học, 11.300 sinh viên đại học, 3.000 sinh viên cao đẳng.

Sau gần 20 năm đào tạo, Nhà trường đã cung cấp cho tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong cả nước một đội ngũ cán bộ, nhà giáo, nhà quản lí giáo dục đông đảo với hơn 35.150 sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng (trong đó có 16.896 giáo viên Trung học có trình độ đại học, cao đẳng). Bên cạnh đó, Trường cũng đã và đang đào tạo hơn 480 lưu học sinh cho tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào (145 sinh viên đã tốt nghiệp về nước); liên kết mở nhiều lớp bồi dưỡng Cán bộ quản lí Giáo dục, quản lí Doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí cho Tỉnh; đóng góp tích cực cho ngành Giáo dục ở Thanh Hoá trong công cuộc đổi mới, cải cách giáo dục, thay đổi chương trình, sách giáo khoa các cấp phổ thông.

### *1.3.2. Về nghiên cứu khoa học*

Nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của trường đại học, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thường xuyên chú trọng. Đến nay, cán bộ giảng viên Nhà trường đã thực hiện được 7 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 39 đề tài cấp Bộ, 48 đề tài cấp tỉnh, 10 đề tài dự án cấp Bộ, 6 đề tài cấp ngành và 486 đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nhà trường và

phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cán bộ giảng viên nhà trường đã công bố 898 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có 62 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế. Năm 2008, Nhà trường được Bộ Văn hóa Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản *Tạp chí khoa học* có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện *Tạp chí khoa học* của nhà trường đã xuất bản được hơn 20 số với hàng trăm bài báo có chất lượng được các nhà khoa học đầu ngành của các Viện, trường đại học phản biện độc lập, trong đó có 6 số giành cho Khoa học Xã hội và Nhân văn.

***1.3.3. Về hợp tác quốc tế***

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trên cơ sở bám sát các văn bản pháp quy của nhà nước về hoạt động đối ngoại, trường Đại học Hồng Đức đã thực hiện phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực để tập trung xây dựng nhà trường theo định hướng và chiến lược phát triển.

***1.3.3.1. Công tác thiết lập, xây dựng quan hệ quốc tế***

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với hơn 50 trường đại học ở Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Hoa Kì, CHLB Đức, Niu Di-lân, Ôxtrâylia, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, Bỉ…; thiết lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Hỗ trợ Đại học Thế giới – WUDC (Canada), Tổ chức Project Trust (Vương quốc Anh), Chương trình Fulbright tại Việt Nam, phòng Văn học Thông tin Đại sứ quán Hoa kỳ, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Nhật Bản (SCJ), Tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây Ban Nha)… Đến nay, Nhà trường đã đón 524 lượt khách quốc tế từ các trường đại học và các tổ chức quốc tế trên đến làm việc tại trường.

***1.3.3.2. Các hoạt động hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học***

Về đào tạo cán bộ, thông qua các kí kết hợp tác, Nhà trường đã tranh thủ được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các cá nhân, các tổ chức giáo dục, các tổ chức phi chính phủ, cử được 236 lượt cán bộ đi học tập, công tác, tham quan, học tập kinh nghiệm theo chương trình hợp tác với nước ngoài; tiếp nhận 34 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường.

Bằng các nguồn học bổng của đề án và các chương trình hợp tác quốc tế, Trường đã cử 160 giảng viên, sinh viện và học viên đi đào tạo đại học và sau đại học tại 59 trường Đại học, Học viện của 18 nước, vùng lãnh thổ như Đại học Okayama (Nhật); Đại học Minh Chuan, NTUST (Đài Loan); các trường Đại học Hoàng Gia Suvarnabuhmi, Thanyaburi, Chulalongkorn, Học viện Công nghệ châu Á – AIT (Thái Lan); Đại học Wollongong (Úc); Đại học

Oklahoma (Hoa Kỳ); Đại học Vrije Brussel (Vương quốc Bỉ); Đại học Wageningen (Hà Lan); Đại học Gottingen (CHLB Đức); Đại học Địa Trung Hải (CH Pháp); Đại học Grennwich (Anh); …

Thông qua các chương trình hợp tác nhà trường đã tranh thủ được nhiều điều kiện thuận lợi, nguồn học bổng và sự chia sẻ kinh nghiệm trong quản lí đào tạo, nghiên cứu khoa học,… góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên. CBGV nhà trường có dịp được tiếp cận với các điều kiện, môi trường nghiên cứu khoa học tiên tiến, hiện đại; có kiến thức thực tế về đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học; có cơ hội học tập, tiếp thu những kinh nghiệm tiên tiến trong việc xây dựng, thiết kế các chương trình đào tạo.

Về hợp tác đào tạo, năm 2006, Nhà trường được UBND Tỉnh Thanh Hóa giao thực hiện đề án "Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng ngân sách địa phương" (tỉnh Thanh Hoá cấp vốn). Nhà trường đã thực hiện kí kết hợp đồng đạo tạo với gần 30 trường đại học có uy tín trong khu vực và thế giới để gửi gần 300 cán bộ, giảng viên đi đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài. Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện hợp tác đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh với đại học Hoàng gia Thái Lan (RMUTT) tại đại học Hồng Đức theo công thức 2+2.

Về hội thảo khoa học, Nhà trường đã phối hợp tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc tế như: Phối hợp với tổ chức VAT (Ôxtrâylia) tổ chức hội thảo về phương pháp, chiến lược giảng dạy tiếng Anh; phối hợp với tổ chức WUSC tổ chức hội thảo khoa học cho giáo viên dạy Tiếng Anh; phối hợp với tổ chức Fullbright tổ chức các hội thảo *Mô hình các trường đại học địa phương tại Việt Nam, Quản trị đại học địa phương tại Việt Nam; Biến đổi khí hậu toàn cầu*... Trong gần 20 năm qua, nhà trường đã cử 87 lượt cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế. Các cuộc hội thảo quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường có thêm cơ hội mở rộng tầm nhìn, đổi mới tư duy, tạo nên những động lực mới cho việc mở rộng các hoạt động hợp tác của nhà trường.

Về hợp tác thực hiện dự án, Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều Dự án hợp tác quốc tế, chẳng hạn:

- Dự án Trung tâm giáo dục Nông nghiệp (AEC) với Canada (hoàn thành năm 2004)

- Dự án Phòng chống ma túy trong trường sư phạm với UNDP (hoàn thành năm 2005)

- Dự án Hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học với trường Đại học Cộng đồng Tidewater - Hoa Kỳ, (hoàn thành năm 2006)

- Hỗ trợ phát triển Chương trình đào tạo các Trường Đại học Nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu do Hà Lan tài trợ, (hoàn thành năm 2009)

- Xây dựng Trung tâm đào tạo tiếng Việt tại tỉnh Hủa Phăn, Cộng hòa DCND Lào (hoàn thành năm 2010)

- Dự án "Ứng dụng quy trình sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hoá" hợp tác với đại học Hoàng gia Thái Lan (RMUTT) (hoàn thành năm 2010);

- Dự án "Tuyển chọn một số giống lúa thuần có năng suất chất lượng cao của Trung Quốc phù hợp với điều kiện Thanh Hoá" hợp tác với trường Đại học Hải Dương, Trung Quốc (hoàn thành năm 2011); đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp bản quyền giống lúa Hồng Đức 9 và đưa vào sản xuất từ năm 2011.

Các dự án trên đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đồng thời, thông qua hợp tác, phương pháp tư duy, trình độ lí luận, kiến thức và kinh nghiệm của một bộ phận CBGV nhà trường đã được nâng lên. Nhà trường đã tranh thủ được nhiều điều kiện thuận lợi, nhiều sự giúp đỡ đáng quý của các đối tác dành cho công tác NCKH, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, thí nghiệm, tài liệu khoa học, cơ sở hỗ trợ học tập.

### *1.3.4. Về đội ngũ*

Về đội ngũ, Trường Đại học Hồng Đức hiện có 772 cán bộ, 509 giảng viên cơ hữu, trong đó có: 16 Phó giáo sư, 101 tiến sĩ, 397 thạc sĩ, tỉ lệ cán bộ có trình độ sau đại học đạt trên 66,6%, trong đó riêng ngành Lịch sử khoa KHXH có 03 PGS, 4 TS, 5 ThS.

Ngoài ra, Nhà trường hiện có 124 cán bộ đang làm NCS và 30 cán bộ đang học thạc sĩ ở trong nước và nước ngoài.

### *1.3.5. Cơ sở vật chất và các công tác khác*

#### *1.3.5.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất*

Công tác xây dựng cơ sở vật chất được Nhà trường đầu tư đáng kể, ngày càng khang trang, được kiên cố hóa tại 3 cơ sở: Cơ sở chính, cơ sở II và Trung tâm Giáo dục quốc phòng với diện tích hơn 70 ha. Hiện tại, nhà trường có 140

phòng học tiêu chuẩn, 26 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, 01 nhà học đặc thù, 20 phòng máy vi tính nối mạng, hệ thống mạng thông tin (không dây và có dây) được phủ kín trong trường đảm bảo cho học viên, sinh viên học trên lớp, tự học và rèn nghề. Hệ thống phòng học khang trang đáp ứng cho quy mô 16.000 sinh viên học tập và nghiên cứu. Kí túc xá hiện có 1.800 chỗ, đảm bảo cho 22,5% sinh viên có chỗ ở nội trú.

Thư viện được trang bị giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu với 5.450 đầu sách và tạp chí (132.313 cuốn tiếng Việt; 3.777 cuốn ngoại văn, 200 cuốn tạp chí khoa học chuyên ngành); 48.155 số báo tiếng Việt, 4.900 số báo ngoại văn, 162 đĩa CD cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước.

#### *1.3.5.2 Công tác đào tạo tiếng Anh*

Nhà trường liên tục tổ chức và liên kết tổ chức cho cán bộ, giảng viên trong trường học đại học văn bằng 2 tiếng Anh, đến nay đã có 5 khóa tốt nghiệp với 78 cán bộ giảng viên, hiện còn 02 lớp với 25 cán bộ giảng viên tham gia.

Nhà trường tổ chức định kỳ các kỳ thi kiểm tra tiếng Anh (TOEIC) cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường.

### *1.3.6. Các giải pháp quản lí chất lượng đào tạo*

Với sự phát triển nhanh về số lượng sinh viên theo học các hệ và loại hình đào tạo, Hội Khoa học và Đào tạo, Ban giám hiệu và các Khoa, Phòng ban đã coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học:

- Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật những kiến thức mới của các môn học thông qua việc tham khảo các giáo trình, tài liệu trong và ngoài nước. Chú trọng đào tạo các kiến thức, kĩ năng cần thiết cho người học, gắn lí thuyết với thực hành, đảm bảo 30 - 40% thời gian cho việc làm bài tập, thảo luận, đi thực tế.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, giảng viên đến lớp phải có đầy đủ bài giảng và bài tập thực hành gửi cho sinh viên, dành thời gian quy định để sinh viên trao đổi, đặt câu hỏi về những vấn đề liên quan đến môn học.

- Coi trọng khâu kiểm tra và đánh giá trong thi cử. Trường thực hiện tách 3 công đoạn: Giảng dạy tại lớp – Ra đề thi – Chấm thi thành 3 công đoạn độc

lập. Đề thi được chọn ngẫu nhiên trong bộ ngân hàng đề các học phần. Các bài thi được rọc phách để ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong thi cử.

- Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực với việc sử dụng các công cụ và thiết bị tiên tiến; đẩy mạnh công tác soạn và viết giáo trình, bài giảng, nghiên cứu khoa học có địa chỉ ứng dụng, tiến đến biên soạn các giáo trình và bài giảng điện tử và phổ cập trên trang Web của trường.

- Đội ngũ giảng viên của Trường luôn được sự quan tâm đầu tư, các giảng viên của Trường được tạo điều kiện theo học các lớp Cao học, Nghiên cứu sinh đồng thời Trường có chính sách thu hút các cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học về làm việc tại trường.

## 2. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM TẠI THANH HOÁ VÀ CÁC VÙNG LÂN CẬN

### 2.1. Nhu cầu phát triển của ngành giáo dục và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

Khu vực Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa như Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam hiện có hơn 100 trường đại học, cao đẳng và trung cấp, hằng năm đào tạo trên 1500 cử nhân Lịch sử và Sư phạm Lịch sử. Ở các trường đại học, cao đẳng có đào tạo cử nhân Lịch sử và Sư phạm Lịch sử, lực lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam còn rất thấp, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển. Vì vậy, nhu cầu đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam là rất lớn.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án *"Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020",* trong đó nhấn mạnh việc tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong các trường đại học, cao đẳng của cả nước, phấn đấu đến năm 2020, đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam. Đề án đồng thời nhấn mạnh : Nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo tiến sĩ trong nước, tranh thủ và phát huy mạnh mẽ sự hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong đào tạo tiến sĩ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường đại học, của giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, trường Đại học Hồng Đức xin mở đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhằm góp phần thực hiện đề án trên.

Ngoài ra, việc đào tạo nghiên cứu chuyên sâu bậc tiến sĩ Lịch sử Việt Nam còn nhằm tạo ra các chuyên gia trong lĩnh vực này, góp phần duy trì và phát triển chuyên ngành, phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh và đất nước.

**2.2. Nhu cầu phát triển của Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa đất rộng, người đông, người dân có truyền thống hiếu học và học giỏi. Hiện tại, Thanh Hoá và các vùng kể trên có khoảng hơn 100 trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và hàng nghìn trường trung học phổ thông. Tuy nhiên, hiện tại ở khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng chưa có cơ sở Đại học nào được phép đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam và cũng chưa có cơ sở Đại học nào được phép đào tạo Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam.

Tổng số giảng viên, nghiên cứu viên Lịch sử Việt Nam ở các Trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp tại khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa là hơn 1.000 người, tổng số nhân lực tham gia trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Việt Nam của các khu vực kể trên là hơn 15.000 người. Do vậy, nhu cầu đào tạo nhân lực Tiến sĩ về Lịch sử Việt Nam phục vụ cho khu vực là rất bức thiết.

**2.3. Nhu cầu phát triển của người học**

Hiện nay, yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) để phục vụ cho công tác nghiên cứu, quản lí ở các cơ quan giáo dục, văn hóa, quản lý nhà nước, các cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị, nghiên cứu khoa học và giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, THCN, các viện nghiên cứu... là rất lớn. Một bộ phận lớn học viên cao học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ muốn học tiếp ở bậc tiến sĩ. Tại trường Đại học Hồng Đức, theo khảo sát, thống kê có 30% học viên cao học chuyên ngành Lịch sử Việt Nam muốn học tiếp lên bậc tiến sĩ. Trong khi đó, khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa hiện nay chưa có cơ sở đại học nào được phép đào tạo tiến sĩ.

**2.4. Nhu cầu phát triển của trường đại học Hồng Đức**

Việc mở bậc đào tạo tiến sĩ Lịch sử Việt Nam sẽ góp phần đa dạng hóa bậc và ngành nghề đào tạo của Nhà trường, tạo sự liên thông hoàn chỉnh giữa đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng

viên; đáp ứng nhu cầu học sau đại học của học viên và nhu cầu phát triển của xã hội.

## 3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ THẠC SĨ LỊCH SỬ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

### 3.1. Về đào tạo đại học thuộc ngành Lịch sử

Tính đến năm học 2015-2016, Nhà trường đã và đang tổ chức đào tạo 9 khóa ĐHSP Lịch sử chính quy, 2 khóa ĐHSP Lịch sử liên thông, vừa làm vừa học, 4 khoá ĐH Lịch sử, cung cấp hàng trăm giáo viên Lịch sử trình độ đại học, hàng trăm cử nhân lịch sử cho Thanh Hoá và các địa phương khác trong cả nước, số liệu cụ thể như sau:

#### *3.1.1. Đào tạo đại học chính quy*

***Bảng 2. Số lượng sinh viên đại học chính quy thuộc ngành Lịch sử***

| *Năm/Khó* | *ĐHSP Lịch sử* | *ĐH Lịch sử* | *Đã tốt nghiệp* | *Đang đào tạo* |
|---|---|---|---|---|
| 1999-2003 | 47 | | 47 | |
| 2000-2004 | 41 | | 41 | |
| 2001-2005 | 35 | | 35 | |
| 2002-2006 | | | | |
| 2003-2007 | | | | |
| 2004-2008 | | | | |
| 2005-2009 | | 47 | 47 | |
| 2006-2010 | | 120 | 120 | |
| 2007-2011 | | 102 | 102 | |
| 2008-2012 | | 73 | 73 | |
| 2009-2013 | | | | |
| 2010-2014 | | | | |
| 2011-2015 | 35 | | 35 | |
| 2012-2016 | 35 | | 35 | |
| 2013-2017 | 35 | | | 35 |
| 2014-2018 | 35 | | | 35 |
| 2015-2019 | 35 | | | 35 |
| **Cộng:** | **298** | **342** | **632** | **105** |

*3.1.2. Đào tạo đại học hệ Vừa làm vừa học*

***Bảng 3. Số lượng sinh viên đại học hệ Vừa làm vừa học thuộc ngành Lịch sử:***

| *Năm/ Khóa* | *ĐHSP Lịch sử* | *Đã tốt nghiệp* | *Đang đào tạo* |
|---|---|---|---|
| 2007-2010 | 47 (VLVH ) | 47 | |
| 2008-2010 | | | |
| 2009-2011 | | | |
| 2010-2012 | | | |
| 2011-2012 | | | |
| 2012-2013 | | | |
| 2013-2014 | | | |
| 2014-2015 | 45 (Liên thong) | 45 | |
| 2015-2016 | | | |
| **Cộng:** | **92** | **92** | |

Phần lớn sinh viên tốt nghiệp ngành Lịch sử và Sư phạm Lịch sử của Nhà trường đều có việc làm hoặc tự tạo được việc làm. Nhiều trường phổ thông, cơ quan, tổ chức trên địa bàn đánh giá cao năng lực của sinh viên ngành Lịch sử và Sư phạm Lịch sử của Đại học Hồng Đức; đặc biệt là kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm…

Theo điều tra của Trung tâm Hỗ trợ và phát triển đào tạo của Nhà trường, tỷ lệ sinh viên được tiếp nhận làm việc sau khi tốt nghiệp của Khoa Khoa học Xã hội đạt tỷ lệ hơn 70%.

**3.2. Về đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc ngành Lịch sử**

Từ khi được Bộ Giáo dục và đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ (năm 2013) đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 04 khoá thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam (2 khóa với 52 học viên đã tốt nghiệp ra trường), số liệu cụ thể như sau:

***Bảng 4. Số lượng học viên trình độ thạc sĩ thuộc ngành Lịch sử:***

| *TT* | *Tên chuyên ngành* | *QĐ năm* | *Số HV đã tốt nghiệp* | *Số HV đang học* | *Ghi chú* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lịch sử Việt Nam | 2013 | 25 | | |
| 2 | Lịch sử Việt Nam | 2014 | 27 | | |
| 3 | Lịch sử Việt Nam | 2015 | | 15 | |
| 4 | Lịch sử Việt nam | 2016 | | 10 | |
| **Tổng số** | | | **52** | **25** | |

Qua quá trình đào tạo, chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được đảm bảo, uy tín của Nhà trường ngày càng được nâng cao. Các học viên cao học thuộc ngành Lịch sử sau khi tốt nghiệp về đơn vị công tác được cơ sở đánh giá cao cả về kiến thức và kĩ năng. Kết quả trên đã thể hiện sự nỗ lực của Nhà trường, Khoa Khoa học Xã hội và học viên trong quá trình giảng dạy và học tập đáp ứng nhu cầu xã hội.

## 4. KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI – ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH *LỊCH SỬ VIỆT NAM*

### 4.1. Về đào tạo

Khoa Khoa học Xã hội là một trong những khoa lớn của trường ĐH Hồng Đức, có tiền thân từ Khoa Văn - Sử thành lập năm 1978, thuộc trường CĐSP Thanh Hóa, gồm các tổ Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ (tiếng Nga và tiếng Anh). Cuối năm 1992, tổ Địa lí (từ khoa Hóa – Sinh - Địa) nhập về, tổ Ngoại ngữ tách thành khoa Ngoại ngữ, Khoa Văn - Sử đổi tên thành Khoa Xã hội.

Sau gần 20 năm xây dựng và phát triển, khoa Văn- Sử, khoa Xã hội, trường CĐSP Thanh Hóa đã đào tạo được 24 khóa đào tạo hệ CĐSP các ban Văn - Sử, Văn - Chính trị, Văn - Giáo dục công dân, Văn - Kĩ thuật, Văn - Anh văn, Sử - Chính trị, Sử - Giáo dục công dân, Sử - Địa, Địa - Sử, Địa - Giáo dục công dân… với hàng chục nghìn giáo viên các môn KHXH.

Năm 1997, cùng với sự ra đời và phát triển của trường Đại học Hồng Đức, khoa Khoa học Xã hội (KHXH) - một trong những khoa đào tạo lớn của Nhà trường cũng được thành lập. Hiện khoa có 9 Bộ môn: Văn học Việt Nam, Lí luận văn học và Phương pháp dạy học Ngữ văn, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ học, Lịch sử, Địa lí tự nhiên - Môi trường, Địa lí kinh tế - xã hội và Phương pháp dạy học địa lí, Xã hội học, Việt Nam học.

Từ năm học 1998-1999, khoa Khoa học Xã hội đã tổ chức đào tạo ngành đại học hệ chính quy đầu tiên: Đại học Sư phạm Ngữ văn. Đến nay đã có 8 khóa ĐHSP Ngữ văn chính quy, 9 khóa liên thông, vừa làm vừa học, 6 khóa ĐHSP Lịch sử, 5 khóa ĐHSP Địa lí tốt nghiệp ra trường.

Từ năm học 2002-2003, khi nhu cầu đào tạo giáo viên của Thanh Hóa giảm, Khoa đã nhanh chóng nghiên cứu chương trình, thị trường, chuyển đổi một cách vững chắc sang đào tạo các ngành Cử nhân khoa học. Đến nay, Khoa đã đào tạo được 9 khóa đại học Ngữ văn, 6 khóa đại học Lịch sử, 7 khóa đại học Việt Nam học định hướng nghề Hướng dẫn du lịch, 7 khóa đại học Xã hội học

định hướng nghề Công tác xã hội, 6 khóa đại học Địa lí định hướng nghề Du lịch và Quản lí tài nguyên môi trường.

Năm học 2008-2009 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong công tác đào tạo, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc thạc sĩ đầu tiên: chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam. Đến năm học 2013-2014, Khoa đã tổ chức đào tạo 4 chuyên ngành thạc sĩ: Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam, LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam; tuyển sinh hàng năm mỗi chuyên ngành 20 học viên. Đặc biệt, từ năm học 2014-2015, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc tiến sĩ, chuyên ngành Văn học Việt Nam và đã tuyển sinh khóa 1 với 06 NCS.

Như vậy, từ một khoa đào tạo giáo viên THCS Văn, Sử, Địa của trường CĐSP, trải qua gần 20 năm xây dựng và trưởng thành, công tác đào tạo của Khoa không ngừng được mở rộng về quy mô ngành nghề và bậc đào tạo, trở thành một trong những đơn vị đào tạo hoàn chỉnh đầu tiên của nhà trường, gần như một trường Đại học KHXH và NV thu nhỏ.

**4.2. Về nghiên cứu khoa học**

Khoa Khoa học Xã hội cũng là khoa có nhiều thành tích nổi bật trong toàn trường. Hiện, CBGV trong Khoa đã thực hiện được 9 đề tài khoa học cấp Tỉnh; đang thực hiện 1 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ, hàng năm có từ 12-15 đề tài cấp cơ sở. CBGV trong Khoa đã hướng dẫn thành công gần 50 luận văn thạc sĩ tại các trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, ĐHSP Hà Nội, ĐH Vinh; hơn 60 luận văn thạc sĩ tại trường ĐH Hồng Đức; hằng năm hướng dẫn hàng trăm đề tài, khoá luận của SV, đăng tải từ 60-70 công trình nghiên cứu trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành.

Khoa đã tổ chức hàng chục cuộc Hội thảo khoa học cấp Quốc gia, cấp Tỉnh, cấp liên trường, cấp trường, tiêu biểu như các hội thảo: *"Hoàng đế Lê Thánh Tông"* (2002), *"50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ"* (2004), *"Tố Hữu – thơ ca và cách mạng"* (2005), *"Thanh Hóa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ"* (2005), *"Quốc triều hình luật – Giá trị lịch sử và đương đại"* (2007), *"Thanh Hóa với 1000 năm Thăng Long – Hà Nội"* (2010), *"Lý thuyết phê bình văn học hiện đại - Tiếp nhận và ứng dụng"* (2013), *"Chiến thắng Hàm Rồng – 50 năm nhìn lại"* (2015), *"Xây dựng hình ảnh tốt đẹp của người Thanh Hóa trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế"* (2015),…

Hơn 30 giáo trình, tài liệu tham khảo do cán bộ, giảng viên của Khoa chủ biên, tham gia biên soạn đã được các nhà xuất bản Trung ương ấn hành

như: Nxb Chính trị Quốc gia, Nxb Giáo dục, Nxb Khoa học Xã hội, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội,... Đặc biệt, nhiều cán bộ, giảng viên của khoa đã được tuyển chọn biên soạn các giáo trình đại học và cao đẳng cho các dự án: Phát triển giáo viên Tiểu học, Đào tạo giáo viên THCS, Đào tạo giáo viên THPT,… Nhiều giảng viên của khoa là hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Sử học, Hội Văn nghệ dân gian, Hội Dân tộc học và Nhân học Thanh Hóa. Khoa có một Tập san *Khoa học Xã hội & Nhân văn* đã xuất bản được 18 số. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được áp dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**4.3. Về đội ngũ cán bộ**

Khoa Khoa học Xã hội hiện có 75 giảng viên, trong đó có 10 Phó giáo sư (9,3%), 25 tiến sĩ (chiếm 33,3%), 41 thạc sĩ (54,6%), 25 nghiên cứu sinh (33,3%). Tỉ lệ GV có trình độ sau đại học đạt 100 %.

Riêng ngành Lịch sử đã có 03 Phó giáo sư, 04 tiến sĩ, 05 thạc sĩ. Tỉ lệ cán bộ có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm hơn 70%, từ thạc sĩ trở lên là 100%. Đây là một đội ngũ mạnh trong trường và so với một số trường đại học khác.

**4.4. Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất của Khoa tương đối đồng bộ: Phòng thực hành địa lí có trang thiết bị tiên tiến; phòng sưu tập và trưng bày cổ vật lịch sử; phòng hội thảo khoa học. Phòng tư liệu của Khoa có hơn 300 đầu sách, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước với hơn 13.00 nghìn cuốn sách, tạp chí đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học.

**4.5 Về kinh nghiệm tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ**

Năm học 2006-2007, Khoa và Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm học 2008- 2009, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, năm học 2009-2010 được mở thêm chuyên ngành Văn học Việt Nam, năm học 2011-2012 thêm chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt, năm học 2012-2013 thêm chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Đặc biệt, từ năm học 2014-2015, khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam (một trong hai chuyên ngành tiến sĩ đầu tiên của nhà trường). Hiện nay, khoa được Nhà trường giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức đào tạo 4 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 1 chuyên ngành bậc tiến sĩ. Đến

nay, 5 khoá thạc sĩ Văn học Việt Nam, 5 khoá thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam, 3 khóa LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, 2 khóa thạc sĩ Lịch sử Việt Nam đã bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp, các khoá thạc sĩ tiếp theo và khóa tiến sĩ văn học Việt Nam đầu tiên đang thực hiện theo đúng kế hoạch, tiến độ và quy chế đào tạo (Xem thêm bảng 1).

Kinh nghiệm tổ chức đào tạo thạc sĩ trong những năm qua và bước đầu đào tạo tiến sĩ Văn học Việt Nam là tiền đề, điều kiện thuận lợi để Khoa và Nhà trường tiếp tục đăng kí nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

## 5. LÍ DO ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH *LỊCH SỬ VIỆT NAM*

**5.1.** Xuất phát từ nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ của tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa; xuất phát từ nhu cầu được học tập nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên, công chức các ngành Văn hóa, Giáo dục, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân các ngành Lịch sử, Sư phạm Lịch sử, Văn hóa học, Việt Nam học…

**5.2.** Nguồn tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam của Thanh Hóa và các vùng lân cận rất dồi dào. Số lượng cán bộ, giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề, giáo viên Lịch sử các trường Trung học phổ thông và cán bộ quản lí giáo dục của Thanh Hóa và các vùng lân cận rất lớn, trong khi đó việc cán bộ, giáo viên Thanh Hoá đăng kí học tiến sĩ tại trường đại học ở Hà Nội,… gặp nhiều khó khăn vì chỉ tiêu hạn chế, chi phí đi lại, ăn ở quá cao so với mức thu nhập của giáo viên ở các tỉnh nghèo.

**5.3.** Xuất phát từ mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, THCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa. Mục tiêu phát triển của nhà trường từ nay đến năm 2020 được ghi rõ trong *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ Trường khóa III* tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ IV nhiệm kỳ 2015-2020 là "Mở rộng đào tạo sau đại học, phấn đấu trong nhiệm kỳ mới mở được 4 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 7 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, đưa tỷ lệ học viên sau đại học đạt 4% - 5% tổng quy mô đào tạo" và "Phấn đấu đến năm 2020 có 90% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó có 30% tiến sĩ, 5% Giáo sư, Phó Giáo sư trở lên".

Việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam ở trường ĐH Hồng Đức, vì vậy, là rất cấp thiết, giúp ĐH Hồng Đức và các trường ĐH, cao đẳng khác trong khu vực đẩy nhanh tốc độ xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng chuẩn đội ngũ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từng bước vươn lên khẳng định vị thế và có điều kiện tiếp cận, hội nhập với các trường đại học lớn trong nước và thế giới.

**5.4.** Xuất phát từ Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Hồng Đức theo Quyết định số 1469/QĐ-CT ngày 29/7/1999 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Thanh Hóa có đội ngũ cán bộ đông nhưng chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp; đội ngũ cán bộ chuyên gia giỏi, đầu ngành còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, vì vậy Tỉnh khẳng định quyết tâm xây dựng Đại học Hồng Đức trở thành trung tâm văn hóa, khoa học, kĩ thuật lớn của Tỉnh với nhiệm vụ: "đào tạo cán bộ có trình độ cao cho Trường và cho Tỉnh". Phát triển đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nói riêng phục vụ sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, do vậy, là một trong những nhiệm vụ quan trọng được lãnh đạo Tỉnh quan tâm chỉ đạo.

**5.5.** Xuất phát từ kinh nghiệm tổ chức quản lí và đào tạo trình độ sau đại học của Nhà trường. Từ năm 2007 đến nay, Nhà trường đã có kinh nghiệm nhiều năm trong việc tổ chức quản lí và đào tạo 16 chuyên ngành thạc sĩ và 2 chuyên ngành tiến sĩ tại trường, 6 khóa thạc sĩ đã tốt nghiệp gồm các chuyên ngành: *Trồng trọt, Toán giải tích, Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam, LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Vật lý lý thuyết*. Đây là những tiền đề quan trọng cho việc mở ngành và tổ chức đào tạo tiến sĩ chuyên ngành *Lịch sử Việt Nam* tại trường.

**5.6.** Cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu của Khoa và Nhà trường đồng bộ, ngày càng được bổ sung trang thiết bị hiện đại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu, quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ Lịch sử Việt Nam nói riêng.

**5.7.** Khoa Khoa học Xã hội và Bộ môn Lịch sử (trực thuộc Khoa) hiện có 10 Phó giáo sư, 25 tiến sĩ, trong đó có: 02 Phó giáo sư và 02 tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, 01 Phó giáo sư chuyên ngành Lý luận và PPDH Lịch sử và 02 tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới. Bên cạnh đó, Khoa và Bộ môn còn có đội ngũ cán bộ thỉnh giảng, cộng tác viên là các giáo sư, nhà khoa học có uy tín, có nhiều kinh nghiệm đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

đang công tác tại ĐHSP Hà Nội, ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, Đại học Vinh, Viện Sử học (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) v.v...

Đối chiếu với Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc mở ngành đào tạo sau đại học, trường Đại học Hồng Đức đã đáp ứng đủ điều kiện, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Nhà trường đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành **Lịch sử Việt Nam**; **Mã số: 62 22 03 13**

## Phần thứ hai
## MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

### 1. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường đại học;

- Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ; và Thông tư số 05/2012/TT –BGDĐT ngày 15/2/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Quyết định số 867/TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo Sau đại học;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ vào điều kiện, khả năng của Trường Đại học Hồng Đức và nhu cầu xã hội về ngành đào tạo.

### 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 2.1. Mục tiêu chung

- Nhằm đào tạo các chuyên gia về lĩnh vực Lịch sử Việt Nam có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn giáo dục.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt các công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; tổ chức và lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu khoa học ở trường đại học, học viện; làm công tác quản lí tại các Sở Giáo dục, Bộ Giáo dục, Học viện, Viện nghiên cứu.

**2.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra**

***2.2.1. Về kiến thức***

NCS học xong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam:

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học Lịch sử, về Lịch sử Việt Nam, có nền tảng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học liên ngành; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

- Nâng cao khả năng tự nghiên cứu về khoa học lịch sử, nhất là những vấn đề lịch sử Việt Nam, có năng lực nghiên cứu độc lập và làm chủ lĩnh vực chuyên sâu mà mình lựa chọn.

- Có năng lực đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội và khả năng hội nhập quốc tế của Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp, có năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành được đào tạo.

***2.2.2. Về kĩ năng***

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề về khoa học lịch sử nói chung, lịch sử Việt Nam nói riêng; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động nghiên cứu Lịch sử, có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế;

- Có khả năng giảng dạy chuyên đề ở trình độ đại học, sau đại học cho các đối tượng có nhu cầu về chuyên ngành Lịch sử Viêt Nam

- Biết vận dụng linh hoạt và có hiệu quả các công trình nghiên cứu thực tiễn xã hội

- Có năng lực đề xuất, chủ trì hoặc là cán bộ thực hiện chính các đề tài, dự án trong các chương trình, dự án cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

- Có kiến thức và kĩ năng biên soạn sách, tài liệu phục vụ đào tạo trong lĩnh vực Lịch sử Việt Nam.

- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT. Có kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh ở mức độ trôi chảy, thành thạo, có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có khả năng sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu, trình bày, giải thích quan điểm của mình về một vấn đề hoặc phản biện, viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành.

***2.2.3. Về phẩm chất đạo đức***

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Trung thực, công bằng, có trách nhiệm (bản thân, gia đình, tổ chức, bạn bè, xã hội), trung thành với Tổ quốc và tổ chức, tôn trọng sự học (tình thầy - trò, tình bạn đồng môn, tinh thần học tập suốt đời), dám đương đầu với khó khăn, thử thách.
- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Có tính kỷ luật chuyên nghiệp, có khả năng hoàn thành công việc dưới áp lực, có ý thức tôn trọng và làm giàu thêm văn hóa và tài sản quy trình của tổ chức.

- Có phương pháp làm việc khoa học, có tư duy sáng tạo, biết giải quyết những vấn đề mới trong thực tiễn quá trình công tác.

- Có tác phong làm việc nghiêm túc, trung thực, chính xác và tinh thần hợp tác trong công việc.

***2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn giáo dục; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

**3. NGUỒN TUYỂN**

Là những người đang sinh sống và làm việc ở tỉnh Thanh Hóa, các tỉnh khu vực Bắc miền Trung, vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa và cả nước, thỏa mãn các điều kiện quy định nêu trong Quy chế đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các Giảng viên tại hơn 50 trường đại học, cao đẳng và hàng nghìn trường phổ thông bậc Trung học thuộc khu vực Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng.

- Các cán bộ đang công tác tại các cơ quan quản lí Nhà nước, quản lí giáo dục, quản lí văn hóa, quản lí hành chính thuộc các khu vực trên.

- Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học, học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ đủ điều kiện dự thi.

**4. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC TUYỂN SINH**

**4.1. Thời gian tuyển sinh**: Trường ĐH Hồng Đức tổ chức tuyển nghiên cứu sinh vào tháng 4 và tháng 10 hàng năm.

**4.2. Hình thức tuyển sinh**:

- Đối tượng có bằng thạc sĩ: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức.

- Đối tượng có bằng cử nhân: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn:

+ Môn thi không chủ chốt: Phương pháp luận sử học

+ Môn thi chủ chốt: Lịch sử Viêt Nam

+ Môn thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh, hoặc tiếng Nga, hoặc tiếng Trung...

+ Xét tuyển hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức.

**5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

**5.1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Lịch sử Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng và công trình đã công bố:

+ Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

+ Có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Có tối thiểu 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đền nghiên cứu của chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

+ Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy một trong các ngành: cử nhân lịch sử, ĐHSP Lịch sử, ĐHSP Văn – Sử loại giỏi trở lên và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đề nghiên cứu của chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành cử nhân lịch sử, ĐHSP Lịch sử, ĐHSP Văn – Sử loại khá và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đền nghiên cứu của chuyên ngành.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN của các trường đại học, các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.

c) Được giới thiệu từ hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư/ học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

d) Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

e) Có đủ trình độ tiếng Anh để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cụ thể: Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

(1) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục III), trong thời hạn 2 năm

tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

(3) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

(4) Có chứng chỉ IELT 4,5 trở lên hoặc hoặc các chứng chỉ qui đổi tương đương IELTS 4,5 trở lên, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, cụ thể: TOEFL 450 PBT; 133 CBT; 45 iBT hoặc 450 TOEIC quốc tế; hoặc Cambridge Preliminay PET; hoặc BEC Business Preliminay; hoặc BULATS 40.

(5) Hoặc NCS có thể dự thi môn tiếng Anh tại kì thi tuyển sinh Thạc sĩ của trường ĐH Hồng Đức.

Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức sẽ quy định ngoại ngữ đối với chuyên ngành Văn học Việt Nam và điểm chuẩn môn Ngoại ngữ đối với đối tượng NCS dự thi môn Ngoại ngữ tại kì thi tuyển sinh Thạc sĩ của Nhà trường.

g) Được cơ quan quản lí nhân sự (nếu là người đã có việc làm) giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

h) Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

k) Thâm niên công tác:

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất ***một năm*** làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày nhập học).

SV tốt nghiệp đại học loại khá trở lên đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Lịch sử Việt Nam được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

l) Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên Bộ Y tế -Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**5.2. Danh mục các chuyên ngành đúng, phù hợp và chuyên ngành gần**:

- Chuyên ngành đúng, phù hợp: Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam; Khảo cổ học; Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

- Chuyên ngành gần : Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới; Lý luận dạy học và PPDH Lịch sử; Việt Nam học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Chính trị học, Tôn giáo học.

## 6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO, SỐ LƯỢNG NGHIÊN CỨU SINH, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 6.1. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp là 4 năm tập trung liên tục.

- Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được cơ sở đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu là 3 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

### 6.2. Số lượng nghiên cứu sinh

Từ 3 - 5 nghiên cứu sinh cho mỗi khóa học.

### 6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của trường đại học Hồng Đức.

## Phần thứ ba

# NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

## 1. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 1.1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CỦA TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC

Hiện tại, Khoa Khoa học Xã hội có 11 giảng viên ngành Lịch sử, trong đó có 3 PGS.TS, 4 tiến sĩ, số còn lại là Thạc sĩ. Trong số đó, có 02 PGS.TS và 02 tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam , 01 PGS chuyên ngành Lý luận dạy học và PPDH Lịch sử và 02 tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử thế giới.

Khoa cũng có mối quan hệ hợp tác đào tạo chặt chẽ với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu như ĐHSP Hà Nội, Đại học Vinh, ĐH KHXH&NV-ĐHQG Hà Nội, Viện Sử học thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam được thể hiện tại các Phụ lục III.1, Phụ lục III.2, Phụ lục III.3, cùng với bản sao văn bằng cao nhất của từng giảng viên.

## Phụ lục III.1 - Mẫu 1a

## Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Lịch sử Việt Nam

| STT | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại | Năm sinh | Học hàm, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Ngành/ Chuyên ngành | Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT) | Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN THỊ THÚY | 1972 | PGS 2014 | TS, Việt Nam, 2009 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH tại ĐH Vinh từ 2010, ĐHSPHN từ năm 2011, ĐH Hồng Đức từ 2013, Viện Việt Nam học & KH Phát triển- ĐHQGHN | - 01 đề tài NCKH cấp Bộ<br>- 01 đề tài KH&CN cấp Tỉnh<br>- 01 đề tài cơ sở<br>- 01 sách chuyên khảo<br>- 35 bài báo trong nước và tham luận Hội thảo Quốc tế | |
| 2 | NGUYỄN THỊ THU HÀ | 1975 | | TS, Việt Nam, 2015 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH tại ĐH Hồng Đức từ 2015 | -Tham gia 1 đề tài NCKH cấp Bộ<br>- 02 đề tài cơ sở<br>- 04 bài báo KH<br>- 01 sách tham khảo | |
| 3 | VŨ QUÝ THU | 1953 | | TS, Việt Nam, 2006 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH tại ĐH Vinh (2009) Hồng Đức từ 2013 | - Tham gia 02 đề tài KH&CN cấp Tỉnh.<br>- 2 đề tài cơ sở<br>- 3 sách tham khảo<br>- 01 tham luận kỷ yếu KH hội thảo quốc tế<br>- 25 bài báo trong nước. | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | LÊ SỸ HƯNG | 1970 | | TS, Việt Nam, 2010 | Lịch sử thế giới | Giảng dạy SĐH tại ĐH Hồng Đức từ 2013 | - Chủ trì 1 đề tài cấp Bộ<br>- Tham gia 01 ĐT cấp Bộ<br>- Tham gia 02 ĐT cấp Tỉnh<br>- 02 ĐT cấp cơ sở<br>- 11 bài báo<br>- 01 sách tham khảo | |
| 5 | LÊ THANH THỦY | 1975 | | TS, Việt Nam, 2010 | Lịch sử thế giới | Giảng dạy SĐH tại ĐH Hồng Đức, 2013 | - Chủ trì 1 đề tài NCKH cấp Bộ<br>- Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Tỉnh<br>- Chủ nhiệm 2 đề tài cấp cơ sở<br>- Chủ biên 1 sách chuyên khảo<br>- 14 bài báo trong nước. | |
| 6 | MAI VĂN TÙNG | 1976 | PGS 2016 | TS, Việt Nam, 2011 | Dân tộc học | Giảng dạy SĐH tại ĐH Hồng Đức từ 2012 | - 1 đề tài NCKH cấp Bộ<br>- 2 đề tài cơ sở<br>- Tham gia 3 đề tài cấp tỉnh<br>- Tham gia 1 đề tài Nafosted<br>- 1 sách tham khảo<br>- 36 bài báo trong nước | |
| 7 | HOÀNG THANH HẢI | 1957 | | TS, Việt Nam, 1999 | LLDH& PPDH Lịch sử | Giảng dạy SĐH tại ĐH Vinh từ 2008, ĐH Hồng Đức từ 2012 | - 01 đề tài cấp Tỉnh<br>- 01 đề tài cấp Bộ<br>- 02 đề tài cấp cơ sở<br>- 3 giáo trình, 2 sách tham khảo.<br>- 24 bài báo KH trong nước. | |

**Phụ lục III.1 - Mẫu 1b**

**Đội ngũ cán bộ mời tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Lịch sử Việt Nam**

| Số TT | Họ và tên, năm sinh, Chức vụ hiện tại | Năm sinh | Học hàm, năm phong | Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Chuyên ngành | Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT) | Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | GS.TSKH. VŨ MINH GIANG | 1951 | 2001 | TSKH, LB Nga, 1986 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH từ năm 1986 tại ĐHQGHN, Học viện chính trị Quốc gia HCM, ĐHSP Huế, ĐH Thủ Dầu Một, ĐH Đồng Tháp, | - 29 Giáo trình; chuyên khảo và tham khảo<br>- 15 bài báo Quốc tế và tham luận Hội thảo Quốc tế.<br>- 62 bài báo trong nước.<br>-06 đề tài và dự án KH |
| 2 | GS.TS. PHẠM HỒNG TUNG | 1963 | 2014 | Tiến sĩ CHLB Đức, 2002 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH từ 2002 tại ĐHKHXH & NV-ĐHQGHN, Học viện KHXHVN, Học viện chính trị Quốc gia HCM, ĐHKHXH & NV TPHCM | - 01 đề tài cấp nhà nước<br>- 02 đề tài cấp Bộ<br>- 01 đề tài cơ sở<br>- 02 sách giáo trình<br>- 14 sách chuyên khảo, tham khảo<br>- 10 bài báo Quốc tế và tham luận Hội thảo Quốc tế. |
| 3 | PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC NHUỆ | 1960 | 2011 | Tiến sĩ Việt Nam, 2001 | Lịch sử Việt Nam | Giảng dạy SĐH từ 2005 tại ĐHKHXH & NV-ĐHQGHN, Học viện KHXHVN, ĐH Hồng Đức. | - 03 đề tài cấp Bộ<br>- 21 bài báo khoa học<br>- Tham gia viết chung 73 sách tham khảo |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | PGS.TS Trần Ngọc Long | 1957 | 2010 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2006 | | Giảng dạy SĐH từ 2008 tại ĐHKHXH & NV-ĐHQGHN, Học viện KHXHVN, Học viện chính trị Quân sự, Học viện chinh trị Quốc gia HCM, ĐHSPHN, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, ĐH Vinh, ĐH Huế. | - 04 cấp bộ<br>- 09 cơ sở<br>- 05 sách tham khảo<br>-45 bài báo khoa học |
| 5 | PGS.TS. Trần văn Thức | 1969 | 2012 | Tiến sĩ, Việt Nam, 2004 | Lịch sử Việt Nam | - Giảng dạy SĐH từ 2004 tại Đại học Vinh; Đại học Sài Gòn, Đại học Đồng Tháp;<br>- Dạy NCS từ 2012, tại Đại học Vinh. | - 01 đề tài cấp Bộ;<br>- 04 đề tài cấp Tỉnh;<br>- 04 đề tài cấp cơ sở;<br>- 02 giáo trình;<br>- 03 sách chuyên khảo;<br>- 05 sách tham khảo;<br>- 45 bài báo khoa học. |

***Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017***

**GIÁM ĐỐC**
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## 1.2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

### 1.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo

**a) Phòng seminar**

Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên; có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overheat, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính.

**b) Phòng học chuyên ngành**

Trang bị bàn ghế, bảng, máy chiếu, tăng âm, máy tính nối mạng đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

**c) Phòng cho NCS tự nghiên cứu**

Phòng 30$m^2$, trang bị 20 bộ bàn nghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành phục vụ cho học viên có thể tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

**d) Phòng học đa phương tiện**

Là phòng học được đầu tư (bàn ghế, máy chiếu đa năng, máy tính, bảng đa năng, thiết bị âm thanh,...) đạt tiêu chuẩn, có thể phục vụ cho 1 lớp học có 35 học viên.

**e) Phòng học tiếng (LAB)**

Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

**g) Trung tâm hỗ trợ học tập**

Nhà trường có 1 trung tâm hỗ trợ học tập: với tổng diện tích 120 $m^2$, có đầy đủ phương tiện, có thể phục vụ trên 150 học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

**Thông tin cụ thể về các loại máy, thiết bị phục vụ đào tạo:**

| TT | Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng | Nước sản xuất, năm sản xuất | Số lượng | Tên học phần sử dụng thiết bị |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phòng Multimedia gồm 80 máy học viên và 1 bộ máy giáo viên nối mạng. Máy tính CMS, Mạng Cisco. | Nhật Bản và Việt Nam, 2003 | 2 phòng | Các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành. |
| 2 | Phòng hoc ngoại ngữ và hội thảo gồm 72 máy tính học sinh và 2 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco. | Nhật Bản và Trung Quốc, 2005 | 3 phòng | Các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành. |
| 3 | Phòng học ngoại ngữ dành cho dự án quốc tế, trong đó có 2 phòng nối mạng gồm 94 máy tính cho học sinh 3 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco. | Nhật Bản và Trung Quốc, 2008 | 21phòng | Các các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành. |
| 4 | Máy chiếu đa năng Projector | Nhật Bản và Trung Quốc, 2007 | 78 máy | Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành |
| 5 | Máy tính đang sử dụng được. Máy tính HP, Icer, IBM | Nhật Bản và Trung Quốc, 2005 | 821 máy | Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành |
| 6 | Máy tính kết nối. Máy tính HP, Icer, IBM | Nhật Bản và Trung Quốc, 2005 | 451 máy | Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành |

### 1.2.2. Thư viện

Thư viện trường đại học Hồng Đức có tổng diện tích 2450 $m^2$ với 120 máy tính được nối mạng internet, hàng nghìn đầu sách, báo, tạp chí, đủ điều kiện phục vụ đào tạo nhiều chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt. Các đầu sách phục vụ chuyên ngành đào tạo cụ thể như sau:

| TT | Tên sách, tên tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây | Nước xuất bản/ Năm xuất bản | Số lượng | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cuộc Tổng tiến công của quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 (Qua tài liệu lưu trữ của chính quyền Sài Gòn) | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 2 | Về đại thắng mùa xuân năm 1975 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn (Sách tham khảo) | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 3 | Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 - Bộ 9 tập (Xuất bản lần thứ ba) | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 4 | Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng (Hồi ức) | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 5 | Đại thắng mùa xuân 1975 – Sự kiện - Hỏi và đáp | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 6 | Đại thắng mùa xuân 1975 thắng lợi của những tư tưởng và tình cảm lớn | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 7 | Đối mặt với quân thù | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 8 | Thư vào Nam | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 9 | Nhớ lại chuyến đi cấp tốc chiến dịch Hồ Chí Minh mùa xuân 1975 | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 10 | Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và TW Cục miền Nam 1954 – 1975 | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 11 | Hiệp định Giơnevơ 50 năm nhìn lại | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 12 | Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam - Bộ 4 tập | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 13 | Lược khảo nhân vật lịch sử quân sự tiêu biểu trong sự nghiệp bảo vệ, giải phóng Thăng Long Hà Nội | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 14 | Vành đai diệt mỹ ở chiến trường miền Nam (1965-1973) | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 15 | Đặc trưng công nghệ quân sự Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 16 | Thời kỳ đầu chiến tranh và những vấn đề đặt ra đối với quốc phòng Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 17 | Vai trò của hậu phương Quân khu 4 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 18 | Thế trận lòng dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 19 | Hội nghị Trung Giã và Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 20 | Chiến thắng Điện Biên Phủ - Cột mốc vàng lịch sử | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 21 | Chiến thắng Điện Biên Phủ - Sự kiện - Hỏi và đáp | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 22 | Điện Biên Phủ - Trận thắng thế kỷ | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 23 | Điện Biên Phủ | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 24 | Hỏi đáp kháng chiến chống thực dân Pháp | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 25 | Huế & triều Nguyễn | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 26 | Khám phá lịch sử Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 27 | Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam - Tập V: Tổng luận | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 28 | Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam thời kỳ Lê - Nguyễn | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 29 | Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời Chúa Nguyễn | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 30 | Tư tưởng Phan Bội Châu về con người | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 31 | Hiệp định Pari 40 năm nhìn lại | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 32 | CD – ROM Lịch sử Nam Bộ kháng chiến | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 33 | 40 năm nhớ lại trận "Điện Biên Phủ trên không" | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 34 | Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - Lịch sử, hiện trạng và triển vọng | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 35 | 40 năm Điện Biên Phủ trên không qua tư liệu ảnh (1972-2012) | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 36 | Cách mạng tháng Tám 1945 – Thắng lợi vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam | Việt Nam, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 37 | Chính sách đào tạo sử dụng quan lại thời Lê Thánh Tông và công tác cán bộ hiện nay | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 38 | Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris | Việt Nam, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 39 | Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam quá khứ và hiện tại | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 40 | Bộ tổng tham mưu những năm chiến đấu trong vòng vây | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 41 | Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945 – 1975 | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 42 | Xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng trong thời kỳ mới | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 43 | Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945 - 1975 | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 44 | Đồng Khánh Huế - mái trường xưa thân yêu | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 45 | Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 1 (1945 – 1954) | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 46 | Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 2 (1954 – 1975) | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 47 | Hà Nội - Huế - Sài Gòn là cây một cội, là con một nhà | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 48 | Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX | Việt Nam, 2010 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 49 | Đại cương lịch sử thế giới trung đại phương Đông - Tập 2 | Việt Nam, 2010 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 50 | Vương triều Lý - Trần với kinh đô Thăng Long | Việt Nam, 2010 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 51 | Thuận Hóa -Phú Xuân - Thừa Thiên Huế 700 năm hình thành và phát triển | Việt Nam, 2010 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 52 | Đại thắng mùa Xuân 1975 - Sức mạnh của trí tuệ Việt Nam | Việt Nam, 2010 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 53 | Hoàng thúc Lý Long Tường | Việt Nam, 2010 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 54 | Tổng khởi nghĩa tháng tám 1945 ở đồng bằng Bắc bộ | Việt Nam, 2010 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 55 | Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 56 | Nguyễn Hoàng người mở cõi | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 57 | Võ Nguyên Giáp - Một cuộc đời | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 58 | Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 59 | Đại tướng Nguyễn Chí Thanh người cộng sản kiên trung mẫu mực, nhà lãnh đạo tài năng | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 60 | Giáo sư Tôn Thất Tùng - Người thầy thuốc mẫu mực của nhân dân | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 61 | Hoàng Minh Giám - Người con của thế hệ vàng | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 62 | Tôn Đức Thắng - Một con người bình thường - Vĩ đại | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 63 | Lê Hồng Phong - Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 64 | Lê Hồng Phong - Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 65 | Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc, một tấm gương cộng sản mẫu mực | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 66 | Võ Văn Kiệt - Một nhân cách lớn, nhà lãnh đạo tài năng suốt đời vì nước vì dân | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 67 | Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh | Việt Nam, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 68 | Lê Đức Thọ - Người Cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 69 | Hồ Tùng Mậu Người cộng sản kiên trung, mẫu mực | Việt Nam, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 70 | Nguyễn Quang Lâm - Cuộc đời trọn vẹn nghĩa tình | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 71 | Nội các Trần Trọng Kim bản chất, vai trò và vị trí lịch sử | Việt Nam, 2010 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 72 | Trường Chinh một tư duy sáng tạo - một tài năng kiệt suất | Việt Nam, 2010 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 73 | Ngoại giao Việt Nam 1945-2000 | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 74 | Ngoại giao đa phương tiện trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại | Việt Nam, 2015 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 75 | Ngoại giao và công tác ngoại giao | Việt Nam, 2015 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 76 | Nhà Trắng với cuộc chiến tranh Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 77 | Phong trào cánh tả ở Liên bang Nga và mối quan hệ với Đảng Cộng sản Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 78 | Trung Đông và khả năng mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 79 | Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 80 | Giáo trình Xây dựng Đảng về tổ chức | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 81 | Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng CSVN | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 82 | Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 83 | Những điển tích Phật giáo kỳ thú | Việt Nam, 2015 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 84 | Logic học Phật Giáo | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 85 | Chữ Tâm nhà Phật và ảnh hưởng của "Tâm" đối với đời sống đạo đức ở Việt Nam hiện nay | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 86 | Trí tuệ tạo hình người Việt từ hình tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 87 | Giá trị của đạo đức nho giáo trong thời kỳ hiện nay | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 88 | Tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 89 | Tôn giáo với dân tộc và chủ nghĩa xã hội | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 90 | Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 91 | Chính sách tôn giáo thời Tự Đức (1848 - 1883) | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 92 | Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo VN | Việt Nam, 2011 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 93 | Văn hóa Đông Sơn, 90 năm phát hiện và nghiên cứu (1924-2014 | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 94 | Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận | Việt Nam, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 95 | A history of the Vietnamese | Cambridge University Press, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 96 | Sự hình thành nhà nước sơ khai ở Bắc Việt Nam | Việt Nam, 2011 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 97 | Thành Tây Đô- Di sản văn hoá thế giới | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 98 | Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 99 | Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 100 | Việt Nam Văn Hóa Sử Cương | Việt Nam, 2014 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 101 | Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 102 | Văn Hóa Việt Nam | Việt Nam, 2013 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 103 | Văn hóa Việt Nam những hướng tiếp cận liên ngành | Việt Nam, 2015 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 104 | Văn Hóa Một Số Vùng Miền Ở Việt Nam | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 105 | Làng Văn hóa cổ truyền Việt Nam | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 106 | Hanoi's war: an international History of the war for peace in VN | The University of North Carolina Press, 2012 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 107 | Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo | Việt Nam, 2013 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 108 | Lịch triều hiến chương loại chí (Dư địa chí, bản dịch) | Việt Nam, 2014 | 10 | Các học phần và chuyên đề |
| 109 | Đại Nam nhất thống chí (bản dịch) | Việt Nam, 2012 | 15 | Các học phần và chuyên đề |
| 110 | Tạp chí nghiên cứu Lịch sử | Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay | 500 | Các học phần và chuyên đề |
| 111 | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á | Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay | 500 | Các học phần và chuyên đề |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 112 | Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc | Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay | 500 | Các học phần và chuyên đề |
| 113 | Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH KHXH&NV, ĐH QGHN | Các số tạp chí từ tháng 8/ 2015 đến nay | 80 | Các học phần và chuyên đề |
| **Cộng** | | | 1365 | |

***Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017***

**GIÁM ĐỐC**
**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## 1.3. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 1.3.1. Danh mục đề tài khoa học của giảng viên đã và đang thực hiện liên quan đến chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

| STT | Tên đề tài | Cấp quyết định, Mã số | Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt kết quả nghiệm thu | Kết quả nghiệm thu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Thực trạng và các giải pháp bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Thành nhà Hồ | UBND tỉnh Thanh Hóa | QĐ số 401, ngày 15/12/2008 của GĐ sở KHCN Thanh Hóa | Xuất sắc |
| 2 | Sử dụng di tích lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường THPT tỉnh Thanh Hóa | Bộ GD&ĐT Mã số B 2010-42-12 | Nghiệm thu ngày 23/7/2012 theo QĐ số 2429/QĐ- BGD ĐT | Tốt |
| 3 | Nghiên cứu giá trị lịch sử của không gian văn hóa Tây Đô (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) | Trường ĐH Hồng Đức | Nghiệm thu 10/2010 | Xuất sắc |
| 4 | Nghiên cứu biến đổi kinh tê- xã hội và đặc trưng văn hóa vùng đất Tây Đô từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX | Bộ GD&ĐT | Nghiệm thu 6/2013 | Xuất sắc |
| 5 | Thực trạng và giải pháp bảo tồn làng cổ khu vực thành nhà Hồ | UBND tỉnh Thanh Hóa | Số /QĐ-SKH&CN Ngày 2015 | Xuất sắc |
| 6 | Lịch sử Việt Nam từ cuối thế kỷ XIV đến 1427 (tập VII) | Đề án khoa học Quốc gia | Thực hiện từ 2016- 2018 | Đang thực hiện |
| 7 | Lịch sử Việt Nam từ 1527 đến 1592 (tập IX) | Đề án khoa học Quốc gia | Thực hiện từ 2016- 2018 | Đang thực hiện |
| 8 | Xây dựng mô hình làng bản văn hóa gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng- an ninh ở các huyện vùng biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa | UBND tỉnh Thanh Hóa | Thực hiện từ 2017- 2018 | Đang thực hiện |
| 9 | Tri thức địa phương về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của người Mường ở Thanh Hoá | Bộ GD&ĐT Mã số: B2011-42-28 | Nghiệm thu ngày 07/5/2015 theo Quyết định số 1482/QĐ-BGDĐT | Tốt |
| 10 | Nghiên cứu lựa chọn kiến thức xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình các học phần lịch sử, địa lý, ngôn ngữ địa phương (Thanh Hóa) trong đào tạo các | Cơ sở | QĐ số 1073/QĐ-ĐHHĐ, ngày 21/10/2008 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ | Khá |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | ngành KHXH ở trường Đại học Hồng Đức | | | |
| 11 | Nghiên cứu mô hình quản lý cấp khoa và bộ môn trong phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam | Cơ sở | QĐ số 199/QĐ-ĐHHĐ, ngày 25/2/2011 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ | Khá |
| 12 | Tác động của ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá-xã hội đến Thanh Hoá từ 1991 đến 2008. | Trường | Số 679/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/06/2009 | Khá |
| 13 | Nghiên cứu tác động của Cộng đồng ASEAN (AC) đối với Việt Nam trên các lĩnh vực an ninh – chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội (2003-2010) | Trường | Số 1159/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/07/2013 | Khá |
| 14 | Hợp tác chính trị - an ninh ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông từ 1991 đến 2016 | Bộ GD&ĐT | Thực hiện từ 2017- 2019 | Đang thực hiện |
| 15 | Quan hệ ngoại giao và thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh thông qua hoạt động của Công ty Đông Ấn Anh (thế kỷ XVII- XIX) | Bộ GD&ĐT | Thực hiện từ 2017- 2019 | Đang thực hiện |

**GIÁM ĐỐC**
**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

**1.3.2. Danh mục các hướng nghiên cứu đề tài luận án và số lượng NCS có thể tiếp nhận**

| *S TT* | *Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu Có thể nhận hướng dẫn NCS* | *Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn NCS* | *Số lượng NCS có thể tiếp nhận* |
|---|---|---|---|
| 1 | Quá trình hình thành và phát triển của các làng Việt cổ truyền | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 5 |
| 2 | Lịch sử văn hóa làng xã Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 3 | Quá trình hình thành và phát triển các đô thị Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 4 |
| 4 | Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam | PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Trần Văn Thức, TS. Vũ Quý Thu TS. Nguyễn Thị Thu Hà. | 4 |
| 5 | Lịch sử tôn giáo Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 6 | Lịch sử tư tưởng Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ | 3 |
| 7 | Sự hình thành và phát triển các dân tộc Việt Nam | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 8 | Lịch sử giáo dục và khoa cử Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải | 4 |
| 9 | Các trung tâm kinh tế Việt Nam | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | trong lịch sử | Đức Nhuệ, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Thanh Thủy | |
| 10 | Lịch sử của các di tích lịch sử-văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS. TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải | 5 |
| 11 | Quá trình hình thành và phát triển các không gian lịch sử- văn hóa Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 12 | Nông thôn Việt Nam trong lịch sử | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng. | 3 |
| 13 | Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp trong lịch sử Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 14 | Các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức | 3 |
| 15 | Khởi nghĩa nông dân trong thời kỳ cổ- trung đại Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà | 3 |
| 16 | Vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 5 |
| 17 | Lịch sử các dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 5 |
| 18 | Các nhân vật lịch sử và danh | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai | 5 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam | Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | |
| 19 | Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới. | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 3 |

**1.3.3. Danh mục các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam trong 5 năm trở lại đây:**

| STT | Tên công trình | Tên tác giả | Nguồn công bố |
|---|---|---|---|
| 1 | Tri thức địa phương trong việc khai thác, sử dụng và quản lý măng của người Mường ở Thanh Hóa | Mai Văn Tùng | Tạp chí Dân tộc học, số 1 (175), năm 2012, tr.24-30 |
| 2 | Về tín ngưỡng tôn giáo của người Mường ở Thanh Hoá | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (467), năm 2015, tr.64-71 |
| 3 | Tri thức địa phương và phát triển bền vững | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (179), năm 2015, tr.44-54 |
| 4 | Tri thức địa phương về giáo dục cộng đồng của người Thái ở khu vực biên giới tỉnh Thanh Hoá | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11 (188), năm 2015, tr.67-75 |
| 5 | Người Mường ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá (Nhìn từ góc độ lịch sử - cấu trúc mường) | Mai Văn Tùng | Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3, năm 2011, tr.193-203 |
| 6 | Tri thức địa phương của người Hmông trong chiến lược | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (Trung Quốc) |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | phát triển bền vững cộng đồng cư dân vùng biên giới Việt - Trung *(viết chung)* | | (tiếng Trung Quốc), số 23, năm 2013, tr.108-109 |
| 7 | Kinh nghiệm khai thác, sử dụng và quản lý gỗ của người Mường ở huyện Bá Thước | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1 (142), năm 2012, tr.57-66 |
| 8 | Vài nét về lịch sử người Mường ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa *(viết chung)* | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (431), năm 2013, tr.54-62 |
| 9 | Nghề thủ công truyền thống trong đời sống các tộc người ở Việt Nam | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 (156), năm 2013, tr.37-43 |
| 10 | Quá trình xác lập kinh tế nông nghiệp sớm ở Việt Nam và Đông Nam Á | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9, năm 2012, tr.9-16 |
| 11 | Sông Mã trong đời sống người Mường ở Thanh Hoá | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11 (176), năm 2014, tr.57-65 |
| 12 | Chợ ở miền núi xứ Thanh | Mai Văn Tùng | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 (102), năm 2016, tr.61-67 |
| 13 | Đôi nét về lịch sử và văn hóa người Dao ở Thanh Hóa | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (193), năm 2016, tr.64-72 |
| 14 | Vai trò của rừng ngập nặm trong việc bảo vệ đê biển tại các xã ven biển huyện Hậu Lộc - Thanh Hoá *(viết chung)* | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6 (159), năm 2013, tr.49-54 |
| 15 | Vai trò của lễ hội trong việc giữ vững chủ quyền biển đảo | Mai Văn Tùng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10 (163), |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | của cộng đồng cư dân ven biển xứ Thanh *(viết chung)* | | năm 2013, tr.21-27 |
| 16 | Herbal Medicine in the Life of Mountainous Minority Groups in Thanh Hoa Province | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Kinh tế và văn hóa - xã hội các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập ASEAN (Socio-cultural and economic integration of the indigennous/ethnic peoples in the context of ASEAN),* năm 2015, tr.597-602 |
| 17 | Vận dụng tri thức bản địa của người Thái ở khu vực biên giới Thanh Hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng an ninh | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ VII: *Cộng đồng Thái-Kadai Việt Nam-Những vấn đề phát triển bền vững,* năm 2015, tr.786-798 |
| 18 | Xung quanh vấn đề quá trình tộc người của người Thái ở Thanh Hóa | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội nghị Thái học toàn quốc lần thứ VI: *Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam-Truyền thống, hội nhập và phát triển,* năm 2012, tr.63-78 |
| 19 | Thuốc nam trong đời sống các tộc người ở miền núi Thanh Hoá | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học: *Giảng dạy, nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt - Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn,* năm 2016, tr.827-833 |
| 20 | Tập quán sinh đẻ và nuôi trẻ sơ sinh của người Thái (Nghiên cứu trường hợp Bản Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá) | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: *Việt Nam học - Những phương diện văn hóa truyền thống,* năm 2015, tr.704-709 |
| 21 | Tri thức canh tác nương rẫy của người Mường ở lưu | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 366, năm 2014, |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | vực sông Mã | | tr.33-37 |
| 22 | Tri thức bản địa Thái trong sản xuất nông nghiệp | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 382, năm 2016, tr.32-34 |
| 23 | Tập quán canh tác truyền thống của người Lô Lô | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 341, năm 2012, tr.19-23 |
| 24 | Kinh nghiệm chọn đất lập làng, dựng nhà và làm vườn của người Mường | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 360, năm 2014, tr.102-106 |
| 25 | Biến đổi văn hoá người Gia rai, vùng Trường Sơn - Tây Nguyên | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 372, năm 2015, tr.22-26 |
| 26 | Cây luồng trong đời sống người Mường, người Thái ở Thanh Hóa | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 379, năm 2016, tr.23-26 |
| 27 | Nhạc cụ cổ truyền của người Thái ở Thanh Hóa *(viết chung)* | Mai Văn Tùng | Kỷ yếu Hội nghị Thái học toàn quốc lần thứ VI: *Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam-Truyền thống, hội nhập và phát triển,* năm 2012, tr.260-275 |
| 28 | Tín ngưỡng bản địa của người Mường ở Thanh Hoá | Mai Văn Tùng | Tạp chí Văn hoá học, số 1 (5), năm 2013, tr.64-69 |
| 29 | Dấu ấn văn hóa Chăm trên vùng đất Tây Đô (Từ góc nhìn lịch sử) | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6 (135), 2011, tr.54- 59 |
| 30 | Quê hương xứ sở với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 5 (323), 2011, |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Minh | | tr.8- 11 |
| 31 | Về trình độ kỹ thuật và giá trị thẩm mỹ của thành Tây Đô. | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí NC Đông Nam Á, số 8 (137), 2011, tr.68- 73 |
| 32 | Phong trào cách mạng ở Thanh Hóa và sự ra đời của chiến khu Ngoc Trạo | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 10 (238), 2011, tr.40- 44 |
| 33 | Người Thái ở Thanh Hóa với khởi nghĩa Lam Sơn | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí NC Đông Nam Á, số 9 (150), 2012, tr.40- 45 |
| 34 | Về nguồn gốc cư dân lập làng trên vùng đất Tây Đô | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí NC Đông Nam Á, số (152), 2012, tr.41- 46 |
| 35 | Kinh thành Tây Đô và sự hỡnh thành các làng xã trên vùng đất cố đô | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí NC Đông Nam Á, số 2 (155), 2013, tr.63- 69 |
| 36 | Đặc trưng văn hóa Tây Đô từ tiếp cận khu vực học | Nguyễn Thị Thúy | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Việt Nam học lân thứ tư, tập VII, Nxb KHXH, 2013, tr.545-558 |
| 37 | Không gian văn hóa thành nhà Hồ và di sản làng cổ vùng phụ cận | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 2 (356), 2014, tr.18- 25 |
| 38 | Làng cổ Dương Xá và đại bản doanh Dương Đình nghệ thế kỷ X | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3 (168), 2014, tr.76- 82 |
| 39 | Đánh giá về mục đích xây thành và dời đô của Hồ Qúy Ly | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 4 (268), 2014, tr.67- 72 |
| 40 | Vùng đất Bồng và dấn ấn nhà Trịnh (Vĩnh Lộc Thanh Hóa) | Nguyễn Thị Thúy | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (179), |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | 2015, tr.45- 55 |
| 41 | Hợp tác chống khủng bố trong ASEAN | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11 (116)/2009, tr. 41 – 48.. |
| 42 | Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh lạnh | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Khoa học, ĐH Hồng Đức, số 1/2009, tr. 68 – 71 |
| 43 | Vai trò của Việt Nam trong ASEAN | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Khoa học, ĐH Hồng Đức, số 6/2010, tr. 77 – 82. |
| 44 | Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC) mục tiêu, nội dung và triển vọng | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Khoa học, ĐH Hồng Đức, số 9/2011, tr. 95 – 101 |
| 45 | Sự gia tăng can dự của Mỹ ở biển Đông những năm đầu thập niên thứ hai thế kỉ XXI | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 11 (92)/2012, tr. 26 - 32. |
| 46 | Hợp tác đảm bảo an ninh môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững của ASEAN | Lê Sĩ Hưng | Tạp chí Khoa học, ĐH Hồng Đức, số 31/2016, tr. 119 – 124 |
| 47 | Ý nghĩa giáo dục qua việc sử dụng di tích lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Giáo dục, số 287, tháng 6/2012, tr 55-58 |
| 48 | Một số hình thức dạy học kiến thức lịch sử địa phương cho học sinh Tiểu học | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Giáo dục số 283, tháng 4/2012, tr. 47-51 |
| 49 | Tổ chức các hoạt động nghiên cứu tại bảo tàng Thanh Hóa cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Giáo dục số tháng 9/2012, tr. 93-96 |
| 50 | Tổ chức dạy học bài học lịch sử tại bảo tàng tổng hợp ở Thanh Hoá cho HS phổ thông | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Thiết bị Giáo dục số 101, tháng 1/2014, tr.31-35 |
| 51 | Giáo dục truyền thống Hàm Rồng cho học sinh phổ thông Thanh Hóa hiện nay | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức, số 27, tháng 12/2015, tr. 5-12 |
| 52 | Truyền thống hiếu học, khoa cử của người Thanh Hóa | Hoàng Thanh Hải | Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | trong thời kỳ quốc gia phong kiến độc lập | | số 31, 12/2016, tr.101-109 |
| 53 | Sử dụng công trình nghiên cứu lịch sử địa phương trong giảng dạy lịch sử Việt Nam tại các nhà trường của tỉnh Thanh Hóa hiện nay | Hoàng Thanh Hải | Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: *Một số vấn đề về nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành* Viện Sử học, 2016, tr 259-267 |
| 54 | Di tích lịch sử - văn hóa xứ Thanh với việc nghiên cứu lịch sử và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ | Hoàng Thanh Hải | Kỉ yếu Hội thảo khoa học:*"Di sản văn hóa xứ Thanh trên đường hội nhập và phát triển,* Nxb Thanh Hóa 2015, tr 209-223 |
| 55 | Giáo dục Thanh Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ (1954-1975) | Hoàng Thanh Hải | Kỉ yếu Hội thảo khoa học:*"Thanh Hóa trong thời kỳ chống Mĩ (1954-1975)* , Nxb Thanh Hóa 2015, tr 209-223 |
| 56 | Con đường xâm nhập Việt Nam của Anh và Pháp trước năm 1858 | Lê Thanh Thủy | TC Nghiên cứu ĐNA, số 9, 2012 |
| 57 | Những cố gắng thiết lập mối quan hệ ngoại giao – thương mại với Việt Nam của công ty Đông Ấn Anh trước năm 1858 | Lê Thanh Thủy | TC Khoa học đại học Hồng Đức, số 12, 2012 |
| 58 | Tăng cường công tác giáo dục pháp luật về chủ quyền biển đảo cho cư dân vùng ven biển Thanh Hóa | Lê Thanh Thủy | TC Giáo dục, số 9, 2013 |
| 59 | Giao thương giữa Vương quốc Anh – Việt Nam thế kỉ XVII-XIX | Lê Thanh Thủy | TC Nghiên cứu lịch sử, số 1, 2014 |
| 60 | Trade Relations between the United Kingdom and | Lê Thanh Thủy | Vietnam Social Sciences, |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Vietnam in the 17th – 19th | | số 3, 2014 |
| 61 | Việc truyền bá đạo Kito và quá trình xâm nhập của người Pháp ở Việt Nam | Lê Thanh Thủy | TC Khoa học đại học Hồng Đức, số 26, 2015 |
| 62 | Đóng góp của tỉnh Thanh Hóa đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và xâm lược Mỹ của nhân dân Lào (1945-1975) | Vũ Quý Thu | TC Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9/2012 |
| 63 | Vài nét về khoa cử trong lịch sử dân tộc và thành tựu khoa bảng họ Thiều ở Việt Nam | Vũ Quý Thu | Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Thanh Hóa, 2013. |
| 64 | Một số căn cứ chống trhực dân Pháp ở miền Tây Thanh Hóa | Vũ Quý Thu | Tạp chí Thủ Dầu Một, Số Tháng 4/2013 |
| 65 | Nho sĩ Thanh Hóa với cuộc canh tân làng xã từ 1915 đến 1930 | Vũ Quý Thu | Tạp chí Giáo dục – Lý luận, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, số 4/2013 |
| 66 | Thực trạng và giải pháp xây dựng thiết chế văn hóa làng ven biển xứ Thanh | Vũ Quý Thu | Tạp chí Giáo dục – Lý luận, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, số 206/12-2013. |
| 67 | Thanh Hóa chi viện sức người, sức của cho chiến dịch Điện Biên Phủ sau 60 năm nhìn lại | Vũ Quý Thu | Tạp chí Giáo dục – Lý luận, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, số 212/CĐ-2014. |
| 68 | Vai trò của Thanh Hóa trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ nói chung với chiến thắng Điện Biên phủ nói riêng sau 60 năm nhìn lại (1954-2014) | Vũ Quý Thu | Kỷ yếu Hội thảo KH: *Thanh Hóa với chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)* NXB Thanh Hóa, 2014. |
| 69 | Vị trí miền núi và đóng góp của đồng bào thiểu số | Vũ Quý Thu | Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Khởi nghĩa Ba Đình* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | trong phong trào cần vương ở Thanh Hóa, Hội thảo khoa học"Khởi nghĩa Ba Đình (1886-2016) | | *(1886-2016)*, trang 127-141, Nga Sơn, 11-2016. |
| 70 | Vị thế thành phố Thanh Hoá từ góc nhìn địa - văn hoá, | Nguyễn Thị Thu Hà | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9, 2012; tr. 80 - 83. |
| 71 | Giáo dục, khoa cử ở tỉnh lỵ Thanh Hoá (1804-1945) | Nguyễn Thị Thu Hà | Tạp chí *Giáo dục*, số 9/ 2012, tr 5 - 7. |
| 72 | Thành phố - tỉnh lị Thanh Hóa từ thành Tư Phố đến trấn thành Thọ Hạc | Nguyễn Thị Thu Hà | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4/2013, tr. 53 - 60. |
| 73 | Sự thay đổi địa giới hành chính thành phố Thanh hóa(1945-2012) ý nghĩa và kinh nghiệm | Nguyễn Thị Thu Hà | Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6/2013, tr.108-115. |

***Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017***

**GIÁM ĐỐC**
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## 1.4. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Qua 17 năm thành lập, trường đại học Hồng Đức đã thiết lập được mối quan hệ với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế trên thế giới như: ĐH Columbia, Lansing, Tidewater, Old Dominium (Hoa Kỳ); ĐH Olds, Selkirk, Fraser Valley (Canada); ĐH Địa Trung Hải (Marseille- Pháp), ĐH Công nghệ Hoàng gia Rajamangala Suvarnabhumi, Thanyaburi, Krungthep (Thái Lan); ĐH Chuxiong, Hải Dương (Trung Quốc); ĐH tự do VUB (Bỉ); ĐH Greiwarld (Đức); ĐH Maladenla (Thuỵ Điển); Các tổ chức WUSC (Canada), Project Trust (Anh), SCJ (Nhật Bản), AEI, ANESVAD (Tây Ban Nha)…

Trường đã triển khai có hiệu quả một số dự án quốc tế như: Dự án Trung tâm Giáo dục Nông nghiệp (AEC- Canada), Dự án Phòng chống Ma tuý trong trường sư phạm (UNDP tài trợ), Dự án Dân số - Sức khoẻ sinh sản (ADB tài trợ), Dự án hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học giữa trường ĐH cộng đồng Tidewater (Hoa Kỳ) và trường ĐH Hồng Đức.

Nhà trường cũng đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế như phối hợp với chương trình Fulbright tổ chức các hội thảo: *Phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và bền vững (2008); Mô hình các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2009), Quản trị trong các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2010)...*

Từ năm học 209-2011, Nhà trường đã thực hiện thành công 2 đề tài khoa học *Nghiên cứu ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hóa* (phối hợp với ĐH Rajamangala Suvarnabhumi - Thái Lan) và *Nghiên cứu sản xuất một số giống lúa thuần năng suất cao phù hợp với điều kiện khí hậu tại Thanh Hoá* (phối hợp với ĐH Hải Dương - Trung Quốc).

Hiện tại, nhà trường đang tập trung đẩy mạnh Đề án *"Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài"* từ nguồn ngân sách của Tỉnh. Mục tiêu của đề án là trong 10 năm (2006-2015) đào tạo được 500 cán bộ, trong đó có 100 thạc sĩ, 50 tiến sĩ theo hình thức liên kết và gửi đào tạo tại các trường đại học nước ngoài. Đến nay, đề án đã tổ chức đào tạo được 6 khóa tiếng Anh trình độ quốc tế cho 197 học viên ; 98 học viên đã được gửi đi đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở các nước Mỹ, châu Âu, Trung Quốc, Thái Lan; 21 học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ trở về trường công tác.

Kết quả hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của nhà trường.

## Phần thứ tư

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

## 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Khái quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành lịch sử Việt Nam nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam; có kiến thức rộng về các ngành liên quan như Việt Nam học, Văn hóa, Xã hội; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

#### *1.1.1. Các học phần bổ sung*

- Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

- Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp với chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam, bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp từ năm 2000 trở về trước phải học bổ sung 10 tín chỉ thuộc các học phần chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

- Nghiên cứu sinh có bằng cử nhân ngành phù hợp phải học bổ sung 30 tín chỉ thuộc các học phần cơ sở và chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

- Trong trường hợp chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức sẽ xem xét, quyết định yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ Đại học.

### *1.1.2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan*

*1.1.2.1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ*

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực nghiên cứu Lịch sử Việt Nam; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu Lịch sử Việt Nam. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 2 tín chỉ hoặc 3 tín chỉ.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 6 học phần với khối lượng 13 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó:

+ Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

+ Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

*1.1.2.2. Khối kiến thức chuyên đề tiến sĩ*

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ theo các nguyên tắc sau:

Mỗi chuyên đề có thời lượng 2 đến 3 tín chỉ. Trong đó 1 chuyên đề tổng quan là bắt buộc (gồm 2 tín chỉ) và 2 chuyên đề lựa chọn (5 tín chỉ). Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Tiểu ban chấm chuyên đề .

*1.1.2.3. Bài tiểu luận tổng quan*

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Trường ĐH Hồng Đức quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu

luận tổng quan của nghiên cứu sinh. Bài tiểu luận tổng quan không quá 30 trang đánh máy giấy A4.

### *1.1.3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ*

*1.1.3.1. Nghiên cứu khoa học*

- Việc nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng cho nghiên cứu sinh viết luận văn tiến sĩ. Nghiên cứu khoa học là hoạt động tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Mỗi năm học viên phải nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên đề tiến sĩ của mình và phải báo cáo kết quả nghiên cứu vào cuối mỗi năm

- Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế."

- Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lí do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học.

*1.1.3.2. Luận án tiến sĩ*

- Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

- Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

* Phần mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

* Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

* Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): Trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

* Kết luận và kiến nghị: Trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

* Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

* Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

* Phụ lục (nếu có).”

- Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

- Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

- Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ http://science.thomsonreuters.com/mjl/ hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

-Trường đại học Hồng Đức quy định cụ thể quy cách trình bày luận án theo từng chuyên ngành của Nhà trường, đảm bảo luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xoá.

**1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo**

***1.2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp:***

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

**- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:** **20 tín chỉ**

+ Các học phần tiến sĩ: 13 tín chỉ
Bắt buộc: 9 tín chỉ
Tự chọn: 4/8 tín chỉ
+ Các chuyên đề tiến sĩ: 5/10 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)

**- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ**

***1.2.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhưng tốt nghiệp từ năm 2000 trở về trước:***

Chương trình và cách đánh giá của NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp và NCS có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành Lịch sử Việt Nam nhưng đã tốt nghiệp từ năm 2000 trở về trước bao gồm 6 học phần (13 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chuyên ngành như những NCS có bằng thạc sĩ. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 103 tín chỉ, trong đó:

**- Khối kiến thức bổ sung:** **13 tín chỉ**
(thuộc khối kiến thức chuyên ngành)
+ Các học phần bắt buộc: 9 tín chỉ
+ Các học phần lựa chọn: 4/10 tín chỉ

**- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:** **20 tín chỉ**

+ Các học phần tiến sĩ: 13 tín chỉ
Bắt buộc: 9 tín chỉ
Tự chọn: 4/8 tín chỉ
+ Các chuyên đề tiến sĩ: 5/10 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)

**- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ**

***1.2.3. Đối với NCS có bằng cử nhân đúng, bằng cử nhân ngành phù hợp:***

Phải hoàn thành các học phần của chương trình đạo tạo thạc sĩ chuyên ngành *Lịch sử Việt Nam* (trừ Luận văn Thạc sĩ), sau đó tiếp tục các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120 tín chỉ, trong đó:**

| | |
|---|---|
| **- Các học phần bổ sung kiến thức:** | **30 tín chỉ** |
| + Khối kiến thức chung (bắt buộc): | 3 tín chỉ |
| + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: | 14 tín chỉ |
| Bắt buộc: | 10 tín chỉ |
| Tự chọn: | 4 tín chỉ |
| + Khối kiến thức chuyên ngành: | 13 tín chỉ |
| Bắt buộc: | 9 tín chỉ |
| Tự chọn: | 4 tín chỉ |
| **- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan:** | **20 tín chỉ** |
| + Các học phần tiến sĩ: | 13 tín chỉ |
| Bắt buộc: | 9 tín chỉ |
| Tự chọn: | 4 tín chỉ |
| + Các chuyên đề tiến sĩ: | 5 tín chỉ |
| + Tiểu luận tổng quan: | 2 tín chỉ |

- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)

**- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ**

## 1.3. Khung chương trình

### *1.3.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng cử nhân đúng và ngành phù hợp*

| TT | Mã số Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| **I** | **PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG** (*các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ*) | | | | | | |
| **I.1** | **Khối kiến thức chung** | | **3** | | | | |
| 1 | LSTH 501 | Triết học | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| **I.2** | **Khối kiến thức nhóm chuyên ngành** | | **14** | | | | |
| ***I.2.1*** | ***Bắt buộc*** | | ***10*** | | | | |
| 2 | LSPP502 | Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 3 | LSVN503 | Quá trình phát triển các hình thái kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 4 | LSHN504 | Vấn đề văn hóa Đông Nam Á và lịch sử quá trình hội nhập | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 5 | LSPL 505 | Một số vấn đề cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 6 | LSTT 506 | Trí thức trong lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| ***I.2.2*** | ***Tự chọn - Chọn 2/5 học phần sau:*** | | ***4/10*** | | | | |
| 10 | LSGP507 | Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 11 | LSTN508 | Thành phần tộc người và quan hệ tộc người ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 12 | LSPT508 | Quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến XIX | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 13 | LSKX509 | Cơ câu kinh tê - xã hội Việt Nam thời cổ trung đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 14 | LSTM5010 | Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu - Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.3** | **Khối kiến thức chuyên ngành** | | **13** | | | | |
| ***1.3.1*** | ***Bắt buộc*** | | ***9*** | | | | |
| 15 | LSĐT5010 | Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 16 | LSCĐ5011 | Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc | 2 | 25 | 10 | 90 | |

| TT | Mã số Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| 17 | LSQS5012 | Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật Quân sự Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 18 | LSDT5013 | Xu hướng Duy Tân đất nước ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| ***1.3.2.*** | ***Tự chọn: Chọn 2/5học phần sau*** | | ***4*** | | | | |
| 19 | LSRĐ5014 | Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 20 | LSTH5015 | Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 21 | LSCN5016 | Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 22 | LSCT5017 | Các Đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 23 | LSCM5018 | Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **II** | **PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** | | | | | | |
| **II.1** | **Các học phần tiến sĩ** | | **13** | | | | |
| ***II.1.1*** | ***Bắt buộc*** | | ***9*** | | | | |
| 24 | LSQG601 | Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 25 | LSCX602 | Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của lịch sử trung đại Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 26 | LSTT603 | Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 27 | LSCB604 | Một số vấn đề cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay. | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| ***I.1.2*** | ***Tự chọn - Chọn 2/5 học phần sau:*** | | ***4*** | | | | |
| 28 | LSNT605 | Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858: Một số vấn đề cơ bản và cập nhật | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 29 | LSVĐ606 | Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 30 | LSKT607 | Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế, xã hội và văn hoá trong lịch sử Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |

| TT | Mã số Học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| 31 | LSNX608 | Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 32 | LSDT609 | Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.3** | **Các chuyên đề tiến sĩ - *Chọn 2/4 chuyên đề sau:*** | | **5** | | | | |
| 33 | LSVT6010 | Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 34 | LSCT6011 | Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 35 | LSMQ6011 | Các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 36 | VHLT6012 | Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **II.4** | **Tiểu luận tổng quan** | | **2** | | | | |
| 37 | VHTQ 6017 | Tiểu luận tổng quan | 2 | | | | |
| **III** | **PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** (*NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)* | | | | | | |
| **IV** | **PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | | | | | | |
| 38 | | Luận án | **70** | | | | |
| | | **Tổng cộng:** | **120** | | | | |

### *1.3.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tốt nghiệp từ năm 2000 trở về trước:*

| STT | Mã số học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| **I** | **PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG** (*các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ*) | | | | | | |
| **I.1.** | **Bắt buộc** | | ***9*** | | | | |
| 1 | LSĐT5010 | Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 2 | LSCĐ5011 | Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 3 | LSQS5012 | Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật Quân sự Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 4 | LSDT5013 | Xu hướng Duy Tân đất nước ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.1.** | ***Tự chọn: Chọn 2/5 học phần sau*** | | ***4*** | | | | |
| 5 | LSRD5014 | Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 6 | LSNN5015 | Việt Nam thế kỷ XIX: một số vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và tư tưởng - văn hóa | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 7 | LSCN5015 | Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 8 | LSCT5016 | Các Đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 9 | LSCM5017 | Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **II** | **PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** | | | | | | |
| **II.1** | **Các học phần tiến sĩ** | | **13** | | | | |
| ***II.1.1*** | ***Bắt buộc*** | | ***9*** | | | | |
| 10 | LSQG601 | Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 11 | LSCX602 | Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 12 | LSTT603 | Các trào lưu tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |

| STT | Mã số học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| 13 | LSCB604 | Lịch sử Việt Nam hiện đại (từ 1945 đến nay): Một số vấn đề cơ bản và cập nhật | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| ***I.1.2*** | ***Tự chọn - Chọn 2/5 học phần sau:*** | | ***4*** | | | | |
| 14 | LSNT605 | Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858: Một số vấn đề cơ bản và cập nhật | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 15 | LSVĐ606 | Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 16 | LSKT607 | Những vấn đề về chuyển biến kinh tế, xã hội và văn hoá trong lịch sử Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 17 | LSNX608 | Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 18 | LSDT609 | Một số vấn đề hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.3** | **Các chuyên đề tiến sĩ - *Chọn 2/4 chuyên đề sau:*** | | **5** | | | | |
| 19 | LSVT6010 | Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 20 | LSCT6011 | Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 21 | LSMQ6011 | Các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 22 | VHLT6012 | Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **II.4** | **Tiểu luận tổng quan** | | **2** | | | | |
| 23 | VHTQ 6017 | Tiểu luận tổng quan | 2 | | | | |
| **III** | **PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** (*NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)* | | | | | | |
| **IV** | **PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | | | | | | |
| 24 | | Luận án | **70** | | | | |
| | | **Tổng cộng:** | **103** | | | | |

### *1.3.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên đúng, chuyên ngành phù hợp*

| STT | Mã số học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| **I.** | **PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN** | | | | | | |
| **I.1** | **Các học phần tiến sĩ** | | **13** | | | | |
| ***I.1.1*** | ***Bắt buộc*** | | ***9*** | | | | |
| 1 | LSQG601 | Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 2 | LSCX602 | Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của lịch sử trung đại Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 3 | LSTT603 | Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam thời kỳ cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 4 | LSCN604 | Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| ***I.1.2*** | ***Tự chọn - Chọn 2/5 học phần sau:*** | | ***4*** | | | | |
| 5 | LSNT605 | Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858: Một số vấn đề cơ bản và cập nhật | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 6 | LSKT606 | Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế- xã hội và văn hóa từ 1858 đến 1945 | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 7 | LSCB607 | Một số vấn đề cơ bản trong lịch sử Việt Nam cận đại | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 8 | LSKC608 | Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 9 | LSDT609 | Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.2.** | **Các chuyên đề tiến sĩ - *Chọn 2/4 chuyên đề sau:*** | | **5** | | | | |
| 10 | LSVT6010 | Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |
| 11 | LSCT6011 | Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| 12 | LSMH6012 | Các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam | 3 | 35 | 20 | 135 | |

| STT | Mã số học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã số các học phần tiên quyết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Lí thuyết* | *Thực hành* | *Tự học* | |
| 13 | LSLT6013 | Một số vấn đề về quá trình lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam | 2 | 25 | 10 | 90 | |
| **I.3.** | **Tiểu luận tổng quan** | | **2** | | | | |
| 14 | LSTQ 6017 | Tiểu luận tổng quan | 2 | | | | |
| **II.** | **PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** (*NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)* | | | | | | |
| **III.** | **PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ** | | | | | | |
| 15 | | Luận án | **70** | | | | |
| | | **Tổng cộng:** | **90** | | | | |

## 1.4. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

| Thời gian | NCS tốt nghiệp đại học | NCS tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp | NCS tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp |
|---|---|---|---|
| **Năm 1** | - Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ đại học theo yêu cầu (nếu có).<br>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.<br>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ. | - Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ đại học theo yêu cầu (nếu có)<br>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ<br>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ.<br>- Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án.<br>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.<br>- Nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan. | - Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ đại học theo yêu cầu (nếu có)<br>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ.<br>- Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án.<br>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.<br>- Nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan. |
| **Năm 2** | - Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án. | - Hoàn thành 2 chuyên đề và tiểu luận tổng quan.<br>- Thực hiện nội dung đề tài luận án. | - Hoàn thành 2 chuyên đề và tiểu luận tổng quan.<br>- Thực hiện nội dung đề tài luận án. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | - Nghiên cứu và hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan. | - Công bô kêt quả nghiên cứu (nếu có). | - Công bô kêt quả nghiên cứu (nếu có). |
| **Năm 3** | - Thực hiện nội dung đề tài luận án.<br>- Công bố kết quả nghiên cứu (nếu có). | - Hoàn thành việc công bố kết quả nghiên cứu.<br>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.<br>- Bảo vệ luận án cấp trường. | - Hoàn thành việc công bố kết quả nghiên cứu.<br>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.<br>- Bảo vệ luận án cấp trường. |
| **Năm 4** | - Hoàn thành công bố kết quả nghiên cứu.<br>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.<br>- Bảo vệ luận án cấp trường. | | |

## 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

### 2.1. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC

#### 2.1.1. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

**1. Tên học phần:** Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam

**2. Mã học phần:** LSQG601

**3.Tên tiếng Anh:** The formation and development of ancient States on the Vietnamese territory

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** GS.TSKH Vũ Minh Giang, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của học phần:**

- Giúp NCS hiểu được những đặc điểm chủ yếu của lãnh thổ Việt Nam và sự biến đổi của nó qua các thời kỳ lịch sử.

- NCS có cơ hội đi sâu tìm hiểu các không gian văn hóa, ở đó các nhà nước cổ đại hình thành và phát triển.

- Trên cơ sở nắm được những đặc trưng cơ bản của các nhà nước cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam, người học hiểu sâu sắc thêm tác động và di tồn của những các nhà nước đó đối với tiến trình lịch sử dân tộc.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Đánh giá được quá trình hình thành, phát triển và mở rộng lãnh thổ Việt Nam;

- So sánh nét tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

- Vận dụng kiến thức về sự hình thành và hợp nhất các dân tộc để có những bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và bảo vệ lãnh thổ Việt Nam.

- Định hướng trong giáo dục, tuyên truyền vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo và đường biên giới trên bộ.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Giới thiệu khái quát về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái và các quá trình tộc người trên lãnh thổ Việt Nam.

- So sánh những tương đồng và dị biệt theo không gian và thời gian giữa các vùng .

- Giới thiệu những nét nổi bật của các không gian lịch sử-văn hóa, cái nôi của các nhà nước cổ đại

- Đi sâu giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và rút ra những đặc trưng nổi trội của các nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (ở vùng Bắc Bộ); Lâm Ấp, Champa (ở vùng Trung Bộ) và Phù Nam, Chân Lạp (ở vùng Nam Bộ).

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. NHỮNG TIỀN ĐỀ CHO SỰ XUẤT HIỆN CÁC NHÀ NƯỚC CỔ ĐẠI

***1.1. Điều kiện tự nhiên***

1.1.1. Địa hình: Hình thể, núi, sông, bờ biển, cấu tạo địa chất...

1.1.2. Khí hậu, thời tiết

1.1.3. Tài nguyên, thiên nhiên: đất đai, nông, lâm, hải sản,khoáng sản...

1.1.4. Vị trí địa lý: Địa - chính trị, địa – văn hóa...

1.1.5. Sự tương đồng và dị biệt giữa các vùng miền

***1.2. Quá trình tộc người trên lãnh thổ Việt Nam***

1.2.1. Nhóm Lạc Việt, Âu Việt và vấn đề tổ tiên người Việt trên đất Việt Nam

1.2.3. Những nhóm cơ dân thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polinesian ở miền Trung và miền Nam.

1.2.3. Sự xuất hiện người Khmer trên đất Nam Bộ

1.2..4. Các nhóm cư dân vùng núi.

***1.3. Các nền văn hóa tiền sử, sơ sử***

1.3.1. Tiến trình phát triển từ văn hóa Phùng Nguyên đến Đông Sơn ở miền Bắc

1.3.2. Văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung

1.3.3. Văn hóa Đồng Nai tiến tới văn hóa Oc Eo ở miền Nam.

Chương 2 . NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

***2.1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang***

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2. Những tác động khách quan (vấn đề thủy lợi và chống xâm lấn)

2.1.3. Tổ chức nhà nước thời Hùng vương

2.1.4. Văn hóa thời Hùng vương

2.1.5. Những vấn đề cần tiếp tục làm sáng tỏ

***2.2. Sự hình thành nhà ước Âu Lạc***

2.2.1. Tổ chức nhà nước thời An Dương vương

2.2.2. Thành Cổ Loa

2.2.3. Những thành tựu kinh tế, kỹ thuật, văn hóa

2.2.4. Kháng chiến chống Triệu

***2.3. Văn minh sông Hồng***

2.3.1. Những đặc trưng

2.3.2. Những giá trị tiêu biểu

Chương 3. NHÀ NƯỚC LÂM ẤP, CHĂM PA

***3.1. Sự ra đời nhà nước Lâm Ấp***

3.1.1. Cuộc tiến công của quân Hán và sự ra đời quận Nhật Nam

3.1.2. Cuộc nổi dậy của Khu Liên và sự hình thành nhà nước Lâm Ấp

***3.2. Vương quốc Champa***

3.2.1. Quá trình hình thành

3.2.2. Tổ chức bộ máy nhà nước

3.2.3. Đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa Champa

Chương 4. NHÀ NƯỚC PHÙ NAM

***4.1. Sự hình thành nhà nước Phù Nam***

4.1.1. Sự xuất hiện và tác động của các thương nhân Ấn Độ

4.1.2. Sự ra đời vương quốc Phù Nam

***4.2. Sự phát triển thành đế chế Phù Nam***

4.2.1. Phạm vi của đế chế

4.2.2. Một số thuộc quốc

4.2.3. Sự lớn mạnh của thuộc quốc Chân Lạp và suy vong của Phù Nam

***4.3. Văn minh Oc Eo***

4.3.1. Những đặc trưng

4.3.2. Những giá trị tiêu biểu

Chương 5. NHỮNG MỐI LIÊN HỆ TRONG LỊCH SỬ

***5.1. Quan hệ giữa ba trung tâm văn minh***

5.1.1. Giao lưu và tiếp biến giữa ba trung tâm Đông Sơn, Sa Huỳnh và Óc Eo

5.1. 2. Quận Nhật Nam trong Giao châu

5.1.3. Quan hệ Phù Nam và Champa

***5.2. Những tiền đề cho quá trình "hợp lưu"của dòng chảy Việt Nam***

5.2.1.Mắt xích trong mạng lưới Đông Nam Á

5.2.2. Nhu cầu khách quan của một chỉnh hợp kinh tế- văn hóa

***5.3. Ý nghĩa lịch sử của quá trình "hợp lưu"***

5.3.1. Sức mạnh của một nền văn hóa đa dạng và tương tác

5.3.2. Tác động của ba nền văn minh cổ đại lên tiến trình lịch sử Việt Nam

**12. Tài liệu tham khảo chính**


1. Bảo tàng Lịch sử quốc gia (2014), *Văn hóa Đông Sơn, 90 năm phát hiện và nghiên cứu (1924-2014)*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN.
2. Chử Văn Tần (2003), *Văn hoá Đông Sơn – Văn minh Việt cổ,* NXB KHXH, Hà HN.
3. Diệp Đình Hoa (1961), " Vài ý kiến về xã hội nước Văn lang và xã hội nước Âu Lạc", *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 5 (26).
4. Đào Duy Anh (1955), *Cổ sử Việt Nam*, NXB Xây dựng, HN.
5. Đào Duy Anh (1957), *Lịch sử cổ đại Việt Nam: nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Tập san Đại học Sư phạm, HN.
6. Đào Linh Côn (2009), "Những khám phá mới về các di tích văn hóa Tiền Óc Eo từ vùng tứ giác Long Xuyên từ "phức hợp gốm", *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Văn hóa Óc Eo – Nhận thức và giải pháp bảo tồn phát huy giá trị di tích*, Long Xuyên, TP HCM.
7. Hà Văn Tấn (2004), "Phù Nam và Óc Eo : Ở đâu ? Khi nào ? và Ai ?", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Văn hoá Óc Eo và Vương quốc Phù Nam,* TP Hồ Chí Minh.
8. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam,* NXB Thế giới, HN.
9. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2009), *Một số vấn đề Lịch sử Vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX – Kỷ yếu Hội thảo Khoa học,* NXB Thế Giới, HN.

10. Lâm Thị Mỹ Dung (2008), "Chuyển biến Sa Huỳnh – Chăm Pa: Một quan điểm khảo cổ học", *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ Ba,* NXB ĐHQG, HN

11. Leonde Dosny (1886), *Les peuples orientaus connus des anciens Chinois.* Pelliot, P., 1903, Le Fou-nan", *BEFEO*, tom 3, HN.

12. Lê Hương (1974), *Sử liệu Phù Nam*, Sài Gòn.

13. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải (1995), *Văn hoá Óc Eo, những khám phá mới,* NXB KHXH, HN.

14. Lương Ninh (2005), "Nước Phù Nam - Một thế kỷ nghiên cứu", *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam,* tập 2, NXB KHXH, HN.

15. Malleret, Luis (1959, 1960, 1962,1963), *L'Archéologie du Delta du Mékong*, 4 tập, Viễn Đông Bác cổ Pháp xuất bản, Paris.

16. Ngô Đức Thịnh (2005), *Văn hoá Vùng và Phân Vùng Văn hoá ở Việt Nam,* Nhà Xuất Bản Trẻ, HN.

17. Nguyễn Việt, Vũ Minh Giang, Nguyễn Mạnh Hùng (1983), *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*, NXB Quân đội nhân dân, HN.

18. Phan Huy Lê (2008), "Qua di tích Óc Eo và thư tịch cổ - Thử nhận diện Nước Phù Nam", *20 năm Việt Nam Học theo Định hướng Liên nghành,* NXB Thế Giới, Hà Nội, tr. 283-304.

19. Phan Huy Lê (2012) , *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận.*, Nxb Thế giới, HN.

20. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh (1983), *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN.

21. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên*)* (1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Tập II, HN.

22. Vũ Minh Giang (*Chủ biên*) (2006): *Lược sử vùng đất Nam Bộ*, NXB Thế giới, HN.

23. Wolter. O.W (1999), *History, Culture and Region in Southeast Asian Perspectives*, Tái bản có sửa chữa, Connell Uni, New York hợp tác với Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.

24. Taylor K. (2013), *A history of the Vietnamese*, Cambridge University Press.

25. Trịnh Sinh (2011), *Sự hình thành nhà nước sơ khai ở Bắc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, HN.

26. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1974), *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, HN.

### 2.1.2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH TRỊ, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TRONG LỊCH SỬ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

**1. Tên học phần:** Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam

**2. Mã học phần:** LSCX602

**3. Tên tiếng Anh:** Some characteristics of the politics, economy and society in medieval history of vietnam

**4. Khối lượng:** 3TC (Lý thuyết: 35 giờ; Bài tập/Thảo luận: 20 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Nguyễn Thị Thúy; TS Nguyễn Thị Thu Hà

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu**

- Giúp NCS nắm được những đặc điểm cơ bản của diễn trình chính trị, kinh tế và xã hội trong thời kỳ lịch sử Trung đại Việt Nam.

- Thông qua diễn trình đó, NCS có thể hiểu được mối quan hệ tương tác giữa chính trị, kinh tế và xã hội dưới thời phong kiến.

- Góp phần lý giải tình hình chính trị, kinh tế và xã hội hiện tại thông qua phân tích các di tồn lịch sử.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần**:

Sau khi nghiên cứu học phần này, NCS có khả năng:

- Mô tả được bản chất chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam trong thời kỳ quốc gia phong kiến độc lập.

- Phân tích được đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội qua các triều đại phong kiến Việt Nam.

- Vận dụng các lí thuyết về quy luật phát triển của các mô hình chính trị, kinh tế- xã hội trong việc nghiên cứu và đề xuất các chính sách phát triển quốc gia và vùng lãnh thổ phù hợp.

- Đánh giá được mặt tích cực, hạn chế và bài học kinh nghiệm vận dụng trong công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**9. Nội dung vắn tắt**

- Giới thiệu khái quát một số khái niệm và lý luận cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội và quá trình chính trị.

- Phân tích những biến đổi về chính trị và kinh tế - xã hội để chỉ ra những đặc điểm cơ bản của thời kỳ Trung đại.

- Nêu và phân tích những di tồn lịch sử trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội đương đại.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN

***1.1. Chính trị***

1.1.1. Nội hàm khái niệm

1.1.2. Thiết chế chính trị và quá trình chính trị

1.1.3. Đời sống chính trị và văn hóa chính trị

***1.2. Kinh tế***

1.2.1 Nội hàm khái niệm

1.2.2. Đời sống kinh tế

1.2.3. Lĩnh vực kinh tế

***1.3. Xã hội***

1.3.1. Nội hàm khái niệm

1.3.2. Cơ cấu xã hội

1.3.3. Kết cấu xã hội

***1.4. Hình thái kinh tế - xã hội***

1.4.1. Thượng tầng kiến trúc và hạ tầng cơ sở

1.4.2. Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất

Chương 2. ĐẶC ĐIỂM CHÍNH TRỊ CƠ BẢN CỦA THỜI KỲ LỊCH SỬ TRUNG ĐẠI

***2.1. Nhà nước hình thành sớm***

2.1.1. Những tiền đề kinh tế - xã hội

2.1.2. Những tác động khách quan

2.1.3. Ảnh hưởng của đặc điểm "tảo thục" (chín sớm) của sự xuất hiện nhà nước đến đặc điểm của chính trị Việt Nam thời trung đại

***2.2. Ảnh hưởng mô hình ngoại lai***

2.2.1. Ảnh hưởng của các thiết chế phương Bắc trong thời Bắc thuộc

2.2.2. Tiếp biến về mô hình chính trị trong thời đại độc lập

***2.3. Tập quyền luôn thắng thế***

2.3.1. Nhu cầu về một thiết chế mạnh trong thời trung đại

2.3.2. Đặc trưng của một số thiết chế tập quyền tiêu biểu

2.3.3. Tính chất tập quyền trong các thời kỳ "cát cứ"

***2.4. Ảnh hưởng của thiết chế làng xã***

2.4.1. Cấu trúc làng Việt và dân chủ làng xã

2.4.2. Sức mạnh của các định chế phi quan phương

2.4.3. Sự phóng rọi quan hệ làng xã lên thiết chế nhà nước

***2.5. Tính chất dân tộc nổi trội***

2.5.1. Phân hóa giai cấp không sâu sắc

2.5.2. Giữ và giành lại độc lập là hoàn cảnh hằng xuyên của lịch sử

2.5.3. Chủ nghĩa yêu nước, ý thức dân tộc và quan niệm "địch - ta" trong xét đoán tính chất chính quyền

2.5.4. Bệ đỡ tư tưởng của các thiết chế chính trị thời độc lập

Chương 3. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ- XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA THỜI KỲ LỊCH SỬ TRUNG ĐẠI

***3.1. Kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo***

3.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên phù hợp với sản xuất nông nghiệp

3.1.2. Nông nghiệp là nguồn sống chính của đại bộ phận cư dân và là nguồn thu chính của ngân khố quốc gia suốt thời kỳ Trung đại.

3.1.3. Khai hoang là giải pháp chống khủng hoảng và duy trì vị trí chủ đạo của nông nghiệp.

***3.2. Các ngành kinh tế khác được coi là "nghề phụ"***

3.2.1. Thủ công nghiệp

3.2.2. Thương nghiệp – làng buôn

3.2.3. Các ngành kinh tế khác

***3.3. Xã hội nông thôn***

3.3.1. Cấu trúc làng xã phóng rọi lên cấu trúc xã hội

3.3.2. Tâm lý nông dân chi phối tâm lý xã hội

3.3.3. Tập quán sản xuất nông nghiệp chi phối đời sống kinh tế - xã hội

***3.4. Thành thị đậm chất "đô thành", mờ chất "thị"***

3.4.1. Trong các đô thị Việt Nam thời trung đại, chỉ trừ Hội An và một vài cảng thị ven biển miền Trung, còn lại đều gắn với các trung tâm chính trị.

3.4.2. Sự hưng thịnh hay lụi tàn của đô thị phụ thuộc vào địa vị chính trị//hành chính của địa phương đó (Thăng Long, Tây Đô, Huế…)

***3.5. Nông dân giữ vai trò chi phối trong cơ cấu cư dân***

3.5.1. Nông dân luôn có tỷ lệ áp đảo

3.5.2. Con em nông dân dễ dàng tham chính (trở thành những quan lại hoạch định chính sách) qua con đường thi cử.

3.5.3. Khởi nghĩa nông dân điều tiết đời sống chính trị

**12. Tài liệu tham khảo chính**


1. Nguyễn Thị Thúy (2014), *Thành Tây Đô- Di sản văn hoá thế giới,* NXB KHXH, HN.
2. Phan Đại Doãn-Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thônViệt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, HN.
3. Phan Huy Lê (2012), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, NXB Thế giới, HN.
4. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh (1991), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Đại học và THCN, HN.

5. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên) (1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Tập 2, NXB, HN.
6. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, NXB KHXH, HN.
7. Trương Hữu Quýnh (2004), *Chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỷ XI-XVIII*, NXB Chính trị Quốc gia, HN.
8. Viện Sử học (1977), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, tập 1-2, NXB KHXH, HN.
9. Vũ Minh Giang (1992), "Thiết chế làng xã cổ truyền và quá trình dân chủ hóa ở nước ta", *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 9.
10. Vũ Minh Giang (1993), " Những hệ luận rút ra từ những đặc trưng của lịch sử hệ thống chính trị nước Việt Nam", ***Tạp chí Khoa học…***, số 6.
11. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và HTCT nước ta trước thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, HN.
12. Vũ Minh Giang (1988), "sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, ***Tạp chí khoa học***, số 3.
13. Yu Insun (1994), *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, NXB KHXH, HN.

### 2.1.3. CÁC TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM CẬN ĐẠI

**1. Tên học phần:** Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại

**2. Mã học phần:** LSTT603

**3.Tên tiếng Anh:** Tendencies of Political Theories in Modern Vietnam

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** GS.TS. Phạm Hồng Tung; TS. Vũ Quý Thu

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của học phần:**

- Giúp NCS nắm được bối cảnh chung của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại (1858-1945)

- Giúp NCS đi sâu tìm hiểu nội dung và vai trò lịch sử của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại.

- Giúp NCS nắm và vận dụng được phương pháp và cách tiếp cận đặc thù trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Nắm được bối cảnh chung của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời cận đại (1858-1945)

- Hiểu nội dung và vai trò lịch sử của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại.

- Vận dụng được phương pháp và cách tiếp cận đặc thù trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Việt Nam.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và nguồn sử liệu trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam hiện đại;

- Giới thiệu về bối cảnh lịch sử và những yếu tố tác động cơ bản đối với sự diễn trình lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại;

- Giới thiệu nội dung cơ bản của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại

- Gợi ý đánh giá về vai trò lịch sử của các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, CÁCH TIẾP CẬN VÀ NGUỒN SỬ LIỆU

***1.1. Nguồn sử liệu phục vụ nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại***

1.1.1. Nguồn sử liệu trực tiếp

1.1.2. Nguồn sử liệu gián tiếp

1.1.3. Một số lưu ý về tính đặc thù của sử liệu trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam cận đại

***1.2. Phương pháp nghiên cứu***

1.2.1. Hệ phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng (Intellectual History)

1.2.2. Một số phương pháp vận dụng trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam cận đại

### *1.3. Cách tiếp cận*

1.3.1. Cách tiếp cận hệ thống

1.3.2. Cách tiếp cận văn hóa chính trị

1.3.3. Cách tiếp cận xã hội học - chính trị

Chương 2. BỐI CẢNH CỦA LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

### *2.1. Bối cảnh chung của lịch sử dân tộc Việt Nam trong liên hệ với lịch sử thế giới và lịch sử khu vực*

2.1.1. Cuộc xâm lăng của thực dân phương Tây và các mô hình ứng phó của các dân tộc phương Đông

2.1.2. Các cuộc đấu tranh tư tưởng ở Đông Á và Đông Nam Á thời cận đại

2.1.3. Công cuộc thực dân hóa và phi thực dân hóa ở Việt Nam

### **2.2.** *Một số yếu tố tác động cơ bản đến lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam hiện đại*

2.2.1. Thực dân phương Tây và sự truyền bá của các trào lưu tư tưởng phương Tây

2.2.2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và canh tân đất nước

2.2.3. Báo chí và các phương tiện truyền thông mới

2.2.4. Sự xuất hiện của các nhóm trí thức mới

2.2.5. Phân kỳ lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại

Chương 3. MỘT SỐ TRÀO LƯU, XU HƯỚNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM CẬN ĐẠI

3.1. Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

3.2. Nho giáo và các xu hướng tư tưởng chính trị cũ

3.3. Canh tân và các trào lưu tư tưởng cải cách

3.4. Các trào lưu tư tưởng chính trị mang màu sắc tôn giáo

3.5. Các trào lưu tư tưởng pháp quyền

3.6. Các trào lưu tư tưởng xã hội - chính trị cấp tiến

3.7. Các trào lưu tư tưởng dân chủ - cách mạng

3.8. Các trào lưu tư tưởng cách mạng theo xu hướng mác xít

Chương 4. VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC ĐỐI THOẠI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM CẬN ĐẠI

4.1. Chủ chiến hay chủ hòa

4.2. Duy tân hay thủ cựu và vấn đề lương - giáo

4.3. Duy tân và bạo động; chấp nhận cái mới và giũ bỏ cái cũ

4.4. Đề huề hay đầu hàng?

4.5. Cách mạng theo mô hình, đường lối nào? Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thái học và Nguyễn Ái Quốc

4.6. Chấn hưng Phật giáo; Cao Đài, Hòa Hảo

4.8. Giải phóng con người, giải phóng xã hội - có những con đường riêng của trí thức Tây học Việt Nam

## 12. Tài liệu tham khảo chính


1. Buttinger, Joseph (1967), *Vietnam: a Dragon Embattled,* 2 vols, Frederick A. Preager, New York.
2. Chen, King C (1969), *Vietnam and China 1938-1954,* Princeton University Press.
3. Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Văn Khánh (1991), "Nhận thức và thực tiễn của vấn đề xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất", in trong: *Nghiên cứu lịch sử,* Số 2, tr. 13-17 & 28.
4. Duiker, William J. (2000), *Ho Chi Minh - A Life,* New York.
5. Duiker, William J. (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam, 1900-1941,* Cornell University Press, Ithaca.
6. Hémery, Daniel & Pierre Brocheux (1995), *Indochine la colonisation ambigue,* Édition le Descouverte, Paris.
7. Hồ Tài Huệ Tâm (1983), *Millenarianism and Peasant Politics in Vietnam,* Harvard University Press.
8. Hồ Tài Huệ Tâm (1992), *Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution",* Harvard University Press.
9. Hoàng Văn Đào (1990), *Việt Nam Quốc dân đảng,* Cơ sở Yên Bái xuất bản, Westminster.
10. Huỳnh Kim Khánh (1982), *Vietnamese Communism 1925-1945,* Cornell University Press, New York.

11. Lê Mậu Hãn (2003), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Marr, David G. (1981), *Vietnamese Tradition on Trial,* Univ. Of California Press, Berkeley.
13. Nguyễn Thành (1984), *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945,* Nxb. Khoa học xã hội.
14. Nguyễn Văn Khánh (2012), *Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam,* Nxb. Thế giới.
15. Phạm Hồng Tung (2008), *Lịch sử cuộc vận động vì các quyền dân sinh, dân chủ ở Việt Nam (1936-1939),* NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Phạm Hồng Tung (2009), *Nội các Trần Trọng Kim: bản chất, vai trò và vị trí lịch sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Văn Giàu (2003), *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh,* Quyển II, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
18. Trần Văn Giàu (2003), *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển I, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
19. Trường Chinh (1975), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam,* Tập I và II, NXB. Sự Thật, Hà Nội.
20. Vũ Đình Hòe (1997), *Hồi ký Thanh Nghị,* Nxb. Văn học, Hà Nội.
21. Werner, Jayne S.(1976), *The Cao Đài: The Politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement*, Ph.D. Dissertation, Cornell University.
22. Woodside, Alexander B.(1976), *Community and Revolution in Modern Vietnam,* Houghton Mifflin Company, Boston.

### 2.1.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (TỪ 1945 ĐẾN NAY)

**1. Tên học phần**: Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam hiện đại (từ 1945 đến nay)

**2. Mã số:** LSCN604

**3.Tên tiếng Anh:** Some characteristics in medieval history of Vietnam.

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Trần Văn Thức, TS. Vũ Quý Thu

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu**

- Cung cấp cho NCS những vấn đề cơ bản và cập nhật của lịch sử dân tộc thời hiện đại, qua đó nhận rõ sự thay đổi về mọi mặt, thành tựu của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và xu thế phát triển của đất nước.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, thảo luận, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu được những vấn đề cơ bản và cập nhật của lịch sử dân tộc thời hiện đại.

- Qua đó thấy rõ sự thay đổi về những thành tựu của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và xu thế phát triển của đất nước.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, thảo luận, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**9. Mô tả vắn tắt học phần:**

- Cung cấp cho NCS những kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về lịch sử dân tộc Việt Nam thời kỳ hiện đại: công cuộc xây dựng và bảo vệ nền Dân chủ cộng hòa năm đầu tiên sau cách mạng tháng Tám, chiến tranh cách mạng Việt Nam, xây dựng, bảo vệ tổ quốc và công cuộc đổi mới đất nước.

- Qua việc trình bày có hệ thống , đánh giá những thành tựu và hạn chế, rút ra những bài học lịch sử trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1945 -1975)

***1.1. Xây dựng và bảo vệ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm đầu tiên sau cách mạng tháng Tám 1945***

1.1.1. Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

1.1.2. Những thách thức đặt ra cho nền Cộng hòa non trẻ.

1.1.3. Cách giải quyết những thách thức lịch sử của Chính phủ Hồ Chí Minh

***1.2. Chiến tranh cách mạng Việt Nam***

1.2.1. Đường lối chiến tranh nhân dân

1.2.2. Các giai đoạn và bước phát triển của cuộc chiến tranh

1.2.3. Những thắng lợi tiêu biểu trong cuộc kháng chiến toàn diện

1.2.4. Một số vấn đề cần bàn luận

Chương 2. XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN (1975 -1986)

***2.1.. Thời cơ và thách thức***

***2.2. Đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam***

***2.3. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm***

Chương 3. CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (từ 1986 đến nay)

***3.1. Bảo vệ Tổ quốc XHCN***

2.2.1. Bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ Quốc.

2.2.2. Bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

***3.1. Công cuộc đổi mới đất nước***

3.2.1. Yêu cầu của việc đổi mới đất nước

3.2.2. Đường lối đổi mới đất nước

3.2.3. Thành tựu thời kỳ đổi mới

***3.4. Những vấn đề đặt ra***

**12. Tài liệu tham khảo:**


1. Bộ Chính trị - Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp – Thắng lợi và bài học.* NXBCTQG, HN.
2. Bộ Chính trị - Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước – Thắng lợi và bài học.* NXB Chính trị Quốc gia, HN.
3. Bộ Chính trị - Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 1975: Thắng lợi và bài học,* NXB Chính trị Quốc gia, HN.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX),* NXB Chính trị Quốc gia, HN.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X và XI,* NXB Chính trị Quốc gia, HN.
6. Trần Bá Đệ (1997), *Lịch sử Việt Nam 1975 đến nay ( Những vấn đề lý luận và thực tiễn),* NXB Đại học Quốc gia, HN.
7. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam* (tập 3), NXB Giáo dục, HN.
8. *Những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1975 – 1990 thành tựu và kinh nghiệm* (1991), NXB chính trị Quốc gia, HN.
9. Văn tạo (chủ biên) ( 1995), *Cách mạng tháng tám một số vấn đề lịch sử*, NXB khoa học xã hội, HN.
10. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954 (2 tập),* NXB Quân đội nhân dân, HN.
11. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1991), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, (tập 1,2),* NXB Sự thật, HN.

**2.2. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN:** Chọn 2 trong số các học phần sau

**2.2.1. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN NĂM 1858: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẬP NHẬT**

**1. Tên học phần:** Lịch sử Việt Nam từ nguyên thuỷ đến năm 1858: Một số vấn đề cơ bản và cập nhật

**2. Mã học phần:** LSNT605

**3.Tên tiếng Anh:** The History of Vietnam from its origins to 1858; Some basics and updates

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuệ; TS. Nguyễn Thị Thu Hà

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của học phần:** Học phần giúp NCS:

- Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại.

- Nêu những quan điểm mới đánh giá về các triều đại, các nhân vật lịch sử.

- Cung cấp những tài liệu mới, quan điểm nghiên cứu mới về Lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu được những vấn đề cơ bản và cập nhật những kết quả nghiên cứu mới của lịch sử dân tộc thời cổ trung đại.

- Có khả năng tiếp cận, khai thác, sử dụng những kết quả nghiên cứu mới vào giảng dạy, nghiên cứu.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, thảo luận, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Trình bày những kết quả nghiên cứu mới nhất của các nhà sử học trong và ngoài nước từ cuối thế kỷ XX đến nay về thời kỳ Lịch sử Việt Nam Cổ - Trung đại; phương pháp tiếp cận, khai thác, sử dụng những kết quả nghiên cứu mới vào giảng dạy, nghiên cứu,…

- Phân tích những đặc điểm cơ bản về thời đại đá, thời kỳ dựng nước đầu tiên; thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc; vấn đề phân kỳ lịch sử hình thành và phát triển, khủng hoảng, suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam; đánh giá về vương triều nhà Mạc; vai trò của các chúa Nguyễn trong công cuộc mở đất ở Đàng trong; phong trào nông dân Tây Sơn và Vương triều Tây Sơn.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI VỀ THỜI ĐẠI ĐÁ, THỜI VĂN LANG - ÂU LẠC VÀ THỜI KỲ BẮC THUỘC

***1.1.Thời đại đồ đá***

1.1.1. Các nền văn hoá thời đại đồ đá

1.1.2. Những phát hiện mới và các vấn đề cần bàn luận

***1.2. Thời Văn Lang - Âu Lạc***

1.2.1. Các quan điểm trước nay về thời điểm lập quốc

1.2.3. Tiền đề và các yếu tố tác động đến việc ra đời nhà nước Văn Lang

1.2.3. Đặc điểm cơ bản về chính trị, kinh tế và xã hội thời kỳ Văn Lang- Âu Lạc

***1.3. Thời Bắc thuộc***

1.3.1. Sự sụp đổ của Nhà nước Âu Lạc trước sự xâm lược của Triệu Đà

1.3.2. Chính sách nô dịch, đồng hoá nhân dân ta của chính quyền đô hộ phương Bắc.

1.3.3. Phong trào khởi nghĩa chống Bắc thuộc (Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Mai Hắc Đế…).

Chương 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI VỀ CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XVI

2.1. Vấn đề phân kỳ

2.2. Những đánh giá mới về nhân vật Trần Thủ Độ và Vương triều Trần

2.3. Vấn đề cải cách của Hồ Quý Ly và Vương triều Hồ

2.4. Vấn đề vương triều Mạc

Chương 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MỚI VỀ CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX

3.1. Những đánh giá mới về thời Lê Trung Hưng

3.2. Vấn đề các chúa Nguyễn

3.3. Phong trào nông dân Tây Sơn và vương triều Tây Sơn

3.4. Những kết quả nghiên cứu mới về vương triều Nguyễn (1882 -1884)

**12. Tài liệu tham khảo chính**


1. Alexandre De Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. TP. HCM.
2. Ban Liên lạc họ Mạc (2001), *Hợp biên thế phả họ Mạc*. Nxb VHDT, HN.
3. Bùi Dương Lịch (1993), *Nghệ An ký*. Quyển 1 và 2, Nxb KHXH, HN.
4. Bửu Cầm, Đỗ Vân Anh, Phan Huy Thúy, Tạ Quang Phát và Trương Bửu Lâm (1962), *Hồng Đức bản đồ*, Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn.
5. Cao Hùng Trưng, *An Nam chí*, Bản dịch đánh máy Viện Sử học.
6. Chu Thiên (1945), *Chính trị Hồ Quý Ly*. Đại La, Hà Nội.
7. Chu Thiên (1943), *Lê Thánh Tông*, Hàn Thuyên.
8. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Khoa học, HN.
9. Đào Duy Anh: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1858*. Hà Nội, 1965.
10. *Đại Việt thông sử* (1978), tập III. Nxb KHXH, Hà Nội.
11. Đặng Xuân Bảng (2000), *Việt sử cương mục tiết yếu*. Hoàng Văn Lâu dịch và chú giải. Nxb KHXH, Hà Nội.
12. Hoàng Xuân Hãn (1969), *Bắc hành tùng ký*. Sử Địa, Sài Gòn, số 13-16.

13. *Lê Lợi và Thanh Hóa trong khởi nghĩa Lam Sơn* (1988), Kỷ yếu Hội nghị khoa học, Thanh Hóa.
14. Lê Tắc (2002), *An Nam chí lược*. Nxb Thuận Hóa – Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây. Hà Nội.
15. *Lê Thánh Tông (1442-1497) – Con người và sự nghiệp* (1997), Nhiều tác giả, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. *Đại Việt sử ký tiền biên* (1997), Nxb KHXH, Hà Nội.
17. Lê Văn Hòe (1952), *Hồ Quý Ly – Mạc Đăng Dung – Nghiên cứu phê bình*. Quốc học thư xã, Hà Nội.
18. *Lam Sơn thực lục - bản mới phát hiện* (1976), Nguyễn Diên Niên khảo chứng, Lê Văn Uông chú dịch. Thanh Hóa, Ty Văn hóa.
19. *Lịch sử Việt Nam* (1980), tập II (1427-1858), Đại học Sư phạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. *Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi* (1963), Nxb Khoa học.
21. *Nghiên cứu về hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV-XVIII* (1994), Nxb KHXH, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Siêu (1977), *Đại Việt địa dư toàn biên*. Viện Sử học.
23. Nguyễn Văn Siêu (2002), *Phương Đình địa dư chí*. Nxb VHTT, Hà Nội.
24. *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử* (1996), Viện Sử học – Sở VHTT Hải Phòng.
25. *Những vấn đề lịch sử Việt Nam* (2001), Nhiều tác giả. Nguyệt san Xưa & Nay, Nxb Trẻ, (Tham gia dịch thuật và hiệu đính: Lê Năng An, Vũ Cận, Thế Đức, Đào Hùng, Cao Xuân Phổ, Nguyễn Đình Phương, Ngô Văn Trọng).
26. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1976), *Lịch sử Việt Nam*, tập I. Hà Nội.
27. Phạm Văn Liệu dịch và chú giải (1997), *Lê triều quan chế*. Viện Sử học và Nxb VHTT, Hà Nội.
28. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử.* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. Phan Đại Doãn, Trần Bá Chí (1969), *Chiến thắng lịch sử Chi Lăng – Xương Giang*, Thông báo khoa học – Sử học, tập III, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
30. Phan Huy Chú (1960- 1962), *Lịch triều hiến chương loại chí*, 4 tập, Nxb Sử học, Hà Nội.
31. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn (1977), *Khởi nghĩa Lam Sơn*. Nxb KHXH, Hà Nội.

32. Phan Huy Lê, Chu Thiên, Vương Hoàng Tuyên, Đinh Xuân Lâm (1965), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III. Hà Nội.
33. Phan Huy Lê (1959), *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ*. Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.
34. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002- 2007), *Đại Nam thực lục (10 tập)*, Nxb Giáo dục.
35. Quốc sử quán triều Nguyễn (1970- 1971), *Đại Nam nhất thống chí*, tập II, III, IV. Nxb KHXH, Hà Nội.
36. Quốc sử quán triều Nguyễn (1957- 1960), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Ban Văn Sử Địa, HN.
37. *Quốc triều hình luật* (*Luật hình triều Lê*) (1991), Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí dịch và chú giải, Nxb Pháp Lý, Hà Nội.
38. Tạ Ngọc Liễn (1995), *Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI*. Nxb KHXH, Hà Nội.
39. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh (1999), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh (1970), *Lịch sử Việt Nam*, q.1, tập II. Nxb Giáo dục.

### 2.2.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHUYỂN BIẾN KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM THỜI KỲ CẬN ĐẠI

**1. Tên học phần:** Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế- xã hội và văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại

**2. Mã học phần:** LSKT606

**3.Tên tiếng Anh:** Major Issues of Socio-economic and Cultural Transformation in Modern Vietnamese History

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** TS. Vũ Quý Thu, PGS. TS. Trần Văn Thức

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của học phần:** Học phần này nhằm đem lại cho học viên:

- Từ lát cắt của các vấn đề biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội và văn hóa có thể thấy rõ hơn diện mạo lịch sử, tiến trình biến đổi, thành tựu và cả những hạn chế trong lịch sử Việt Nam cận đại.

- Làm rõ những khái niệm kép cơ cấu kinh tế - xã hội gồm hai bộ phận: cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội. Đưa ra các phương pháp nghiên cứu và cung cấp các nguồn tư liệu hữu ích cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại.

- Làm sáng tỏ được cơ sở lịch sử của những hiện tượng chính trị và phong trào chính trị thời kỳ này, đồng thời đánh giá được tác động của những biến đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói riêng và tiến trình lịch sử Việt Nam nói chung.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu rõ được những vấn đề biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội và văn hóa trong lịch sử Việt Nam cận đại.

- Có khả năng tiếp cận, khai thác, sử dụng những kết quả nghiên cứu mới vào giảng dạy, nghiên cứu.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, thảo luận, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và văn hóa thời Cận đại Việt Nam, từ đó thấy rõ những chuyển biến về KT-XH và Văn hóa qua từng giai đoạn lịch sử (nửa cuối thế kỷ XIX, giai đoạn 1900- 1918, giai đoạn 1919- 1945).Chỉ ra được những thành tựu đạt được, hạn chế; nguyên nhân...

- Trình bày về sự biến đổi của cơ cấu xã hội thông qua các giai đoạn của lịch sử Việt Nam cận đại. Trong từng giai đoạn, học phần tái hiện lại bối cảnh của các tác động về kinh tế, các chính sách chính trị, xã hội tác động tới sự biến đổi của cơ cấu xã hội. Đồng thời làm rõ sự biến đổi của cơ cấu xã hội gắn liền với từng giai đoạn lịch sử khác nhau trong suốt thời kỳ cận đại. Qua đó nêu bật được những nét đặc trưng nổi bật của sự biến đổi đó bao gồm phân tích cả những tác động tích cực, tiêu cực của sự vận động lịch sử.

- Giới thiệu khái quát những thành tựu nghiên cứu của những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, gợi mở những hướng nghiên cứu mới, và các nguồn tài liệu để tìm hiểu về văn hoá Việt Nam cận đại. Phân tích những thuật ngữ văn hoá, văn minh, tiếp biến văn hoá. Nêu quá trình truyền bá văn hoá, văn minh phương Tây vào Việt Nam. Trình bày chính sách văn hoá của Pháp ở Việt Nam. Phân tích những thái độ ứng xử của tầng lớp trí thức Việt Nam đối với văn hoá

phương Tây trong thời kỳ Pháp thuộc. Trình bày những điều kiện mới cho sự du nhập văn hoá phương Tây vào Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trình bày những chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại: sự chuyển biến trong những loại hình văn hoá truyền thống, sự hình thành và phát triển của những loại hình văn hoá mới.

**10. Đánh giá kết quả**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**11. Nội dung chi tiết chuyên đề**

Chương 1. THUẬT GỮ, KHÁI NIỆM VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHUYỂN BIẾN KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI VIỆT NAM

***1.1. Nội hàm khái niệm***

1.1.1. Chuyển biến về kinh tế

1.1.2. Chuyển biến về xã hội

1.1.3 Chuyển biến về văn hóa

***1.2. Các yếu tố tác động đến chuyển biến về kinh tế, xã hội và văn hóa***

1.1. Điểm xuất phát

1.2. Đặc điểm và các yếu tố tác động

1.2.1.Nửa cuối thế kỷ XIX

1.2.2. Giai đoạn từ 1900-1918

1.2.3. Giai đoạn từ 1918-1945

Chương 2. CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ- XÃ HÔI TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945

***2.1. Chuyển biến kinh tế từ năm 1858 đến năm 1945*** 2.1. Tăng trưởng kinh tế

2.1.1. Chuyển biến đổi kinh tế theo ngành nghề

2.1. 2. Chuyển biến đổi cơ cấu thành phần kinh tế (Qua các giai đoạn: từ Nửa cuối thế kỷ XIX; 1900- 1918; 1918-1945)

***2.2. Chuyển biến về cơ cấu xã hội từ 1858 đến 1945***

2.2.1. Dân số

2.2.2. Chuyển biến cơ cấu lực lượng lao động

2.2.3. Phân hoá xã hội

Chương 3. CHUYỂN BIẾN VỀ VĂN HOÁ TỪ NĂM 1858 ĐẾN 1945

***3.1. Văn hóa du nhập từ bên ngoài***

3.1.1. Quá trình truyền bá văn hóa, văn minh phương Tây vào Việt Nam.

3.1.2. Chính sách văn hoá của Pháp ở Việt Nam và thái độ ứng xử của tầng lớp trí thức Việt Nam đối với văn hoá phương Tây trong thời kỳ Pháp thuộc.

3.1.3 Những điều kiện mới cho sự du nhập văn hoá phương Tây vào Việt Nam đầu thế kỷ XX.

***3.2. Chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại***

3.2.1. Sự chuyển biến trong những loại hình văn hoá truyền thống,

3.2.2. Sự hình thành và phát triển của những loại hình văn hoá mới.

***3.3. Những vấn đề cần bàn luận khi nghiên cứu chuyên đề***

**12. Tài liệu tham khảo chính**


1. Nguyễn Thế Anh (1974), *Việt Nam thời Pháp đô hộ,* Sài Gòn.

2. Aumiphin.J. (1994), *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858-1945),,* Hội Sử học Việt Nam, HN.

3. Hoàng Chí Bảo (chủ biên) (1992), *Cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta,* Nxb Thông tin Lý luận, HN.

4. Phan Trọng Báu (1994), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại,* Nxb Khoa học Xã hội, HN.

5. Phan Gia Bền (1957), *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, HN.

6. Cao Văn Biền (1998), *Công nghiệp than Việt Nam thời kỳ 1888 – 1945*. Nxb Khoa học Xã hội, HN.

7. Nguyễn Công Bình (1959), *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam dưới thời Pháp thuộc,* Nxb. Văn Sử Địa, HN.

8. Hồ Tuấn Dung (2003), *Chế độ thuế của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ từ 1897 đến 1945*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.

9. Phạm Cao Dương (1965), *Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc,* Sài Gòn.

10. Nguyễn Khắc Đạm (1957), *Những thủ đoạn bóc lột của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, HN.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

12. Phan Cự Đệ (2002), *Văn học lãng mạn Việt Nam địa (1930-1945),* NXB Văn học, HN.

13. Nguyễn Văn Khánh , *Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945),* Tái bản lần thứ hai, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Vũ Huy Phúc (1996), *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1858-1945),* Nxb Khoa học Xã hội, HN.
15. Phan Quang Trung (1997), *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875-1945),* Nxb Khoa học Xã hội, HN.
16. Lê Văn Trưởng (2005), *Địa lý kinh tế - xã hội đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia.
17. Đỗ Quang Hưng, Trần Viết Nghĩa (2013), *Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Phan Ngoc (2006), *Sự tiếp xúc văn hóa vn với Pháp,* Nxb Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
19. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam: tìm tòi và suy ngẫm,* Nxb Văn học, Hà Nội.
20. David G. Marr (1981), *Vietnamese Tradition on Trial 1920- 1945*, University of California Press, Berkerly.

### 2.2.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945

**1. Tên học phần**: Một số vấn đề cơ bản trong Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến 1945.

**2. Mã số:** LSVĐ606

**3.Tên tiếng Anh:** Some characteristics in history of Vietnam from 1858 to 1945.

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Trần Văn Thức, TS. Vũ Quý Thu

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu:**

- Cung cấp cho NCS một cách có hệ thống và toàn diện về những nội dung chủ yếu của lịch sử Việt Nam thời cận đại từ 1858 đến 1945 trên các phương diện: kinh tế, chính trị - xã hội, phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta… Trên cơ sở đó rút ra được những bài học lịch sử, những giá trị truyền thống và có những định hướng nghiên cứu về lịch sử Việt Nam giai đoạn này.

- Giúp NCS vận dụng phép biện chứng duy vật để phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử và có kỹ năng tiếp tục đi sâu nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến lịch sử Việt Nam cận đại.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu rõ được một cách có hệ thống và toàn diện về những nội dung chủ yếu của lịch sử Việt Nam thời cận đại từ 1858 đến 1945 trên các phương diện: kinh tế, chính trị - xã hội, phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta.

- Biết vận dụng phép biện chứng duy vật để phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử và có kỹ năng tiếp tục đi sâu nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến lịch sử Việt Nam cận đại.

- Có khả năng tiếp cận, khai thác, sử dụng những kết quả nghiên cứu mới vào giảng dạy, nghiên cứu.

**9. Mô tả vắn tắt học phần:**

Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ giữa thế kỷ XIX (khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta) đến Cách mạng tháng Tám 1945. Cụ thể là: Việt Nam đối diện với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (1858 – 1884); con đường cứu nước theo lập trường phong kiến, các nhân vật lịch sử cuối thế kỷ XIX; Bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam; Tính chất của xã hội Việt Nam thời thuộc Pháp; Điều kiện lịch sử mới và phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX; chuyển biến của kinh tế - xã hội Việt Nam và các khuynh hướng, đảng phái chính trị trước năm 1945; phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện đến Cách mạng tháng Tám thắng lợi.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần:**

Chương 1. VIỆT NAM Ở NỬA SAU THẾ KỶ XIX

***1.1. Việt Nam đối diện với cuộc xâm lược vũ trang của CNTB phương Tây và trách nhiệm của nhà Nguyễn***

1.1.1. Việt Nam trước sự xâm lược vũ trang của thực dân Pháp

1.1.2. Trách nhiệm của triều Nguyễn trong việc mất nước ta thế kỷ XIX

***1.2. Cứu nước theo lập trường phong kiến***

1.2.1. Các xu hướng canh tân hay thủ cựu, chiến hay hòa và phong trào Cần vương.

1.2.2. Nguyên nhân thất bại

***1.3. Về một số nhân vật lịch sử***

1.3.1. Nguyễn Trường Tộ

1.3.2. Phan Thanh Giản

1.3.3. Nguyễn Văn Tường

1.3.4.Tôn Thất Thuyết

1.3.5. Vua Tự Đức…

***1.4. Bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam***

Chương 2. VIỆT NAM TRONG 30 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

***2.1. Chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam***

2.1.1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897- 1914)

2.1.2. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1919- 1929)

***2.2. Tính chất xã hội Việt Nam thời cận đại***

***2.3. Khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản và sự thất bại của nó***

2.3.1. Khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản

2.3.2. Sự thất bại của khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản

***2.4. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản của lịch sử dân tộc***

2.4.1. Quá trình lựa chọn con đường cách mạng vô sản

2.4.2. Sự thắng lợi của khuynh hướng vô sản

Chương 3. VIỆT NAM TỪ 1930 ĐẾN 1945

***3.1 Phong trào Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam (1930 – 1939)***

3.1.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931.

3.1.2. Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939.

***3.2 Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám 1939 – 1945***

3.2.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương đấu tranh mới của Đảng ta.

3.2.2. Quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

3.2.3. Cách mạng Tháng Tám 1945

**12. Tài liệu tham khảo chính**

1. Võ Nguyên Giáp (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (1998), *Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. *Lịch sử Việt Nam* (1985), *tập 2,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Huy Liệu (1956), *Lịch sử 80 năm chống Pháp,* Hà Nội.
5. Trần Huy Liệu, Văn Tạo (1955 – 1959), *Tài liệu tham khảo cách mạng cận đại Việt Nam (12 tập),* Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001): *Tiến trình Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Dương Kinh Quốc (1988), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám,* NXB KHXH.
8. *Văn kiện Đảng toàn tập, tập I đến tập VII* (1998- 2000), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Y.tsuboi (1993), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Hà Nội.
10. *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn* (1999), NXB Thuận Hóa.
11. Trần Văn Giàu (2001), *Chống xâm lăng*, NXB TP Hồ Chí Minh.
12. *Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn* (2008), Kỷ yếu Hội thảo khoa học, NXB Thế giới.
13. Shiraishi Masaya (2000), *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á,* 2 tập, NXB Chính trị quốc gia.
14. Đỗ Thị Hòa Hới (1996), *Tìm hiểu tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh*, NXB Khoa học xã hội.
15. Phan Ngọc Liên (2005), *Cách mạng Tháng Tám 1945 - Toàn cảnh*, NXB Từ điển Bách khoa.
16. Văn Tạo (CB) (1995), *Cách mạng Tháng Tám - Một số vấn đề lịch sử*, NXB KHXH, HN.

### 2.2.4. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

**1. Tên chuyên đề:** Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình Lịch sử Việt Nam.

**2. Mã chuyên đề:**

**3. Tên tiếng Anh:** *The Anti-invasion Ressisstance War and Its Impact on the Process of Vietnamese History*

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách**: TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Trần Ngọc Long

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của chuyên đề:** Chuyên đề này nhằm đem lại cho NCS:

- Nắm được một số vấn đề cơ bản về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong tiến trình lịch sử dân tộc,một số mốc lịch sử quan trọng.

- Trang bị những nhận thức các nhân tố trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam tác động tới tiến trình lịch sử dân tộc,truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam.

- Trên cơ sở được trang bị kiến thức hệ thống về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm qua các thời kỳ lịch sử, NCS hiểu sâu sắc hơn về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam và hình thành nhận thức về những bài học cần thiết cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

**8. Nội dung tóm tắt**

- Học phần tập trung vào việc thảo luận những tác động chủ yếu của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời trung đại đến nay.

-Trong đó, giảng viên sẽ tập trung nhấn mạnh các vấn đề chính sau đây: các nhân tố lịch sử chống ngoại xâm tác động tới tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam (vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội, hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh quốc tế và khu vực); truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại; tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận – hiện đại.

- Phân tích về những vấn đề cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam; Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

- Làm rõ được nguồn gốc sâu xa sức mạnh của nhân dân Việt Nam và sự chỉ đạo tài tình, chiến lược Việt Nam đã làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Từ những thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

**9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

Chương 1. THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN

***1.1. Một số thuật ngữ và khái niệm***

***1.2. Phân biệt :khởi nghĩa, kháng chiến, chiến tranh***

1.2.1. *Khởi nghĩa*

1.2.1.1. Nội hàm khái niệm

1.2.1.2. Phân biệt khởi nghĩa và kháng chiến

1.2.2. *Kháng chiến*

1.2.2.1. Nội hàm khái niệm

1.2.2.2. Kháng chiến và kiến quốc

***1.3. Các loại hình và một số quy luật phổ biến của chiến tranh***

1.3.1. Các loại hình chiến tranh

1.3.2. Một số quy luật phổ biến của chiến tranh

**Chương 2.** KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

***2.1. Khái quát lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm***

2.1.1 Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ khi lập quốc đến thế kỷ X

2.1.2 Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỷ X đến 1858

2.1.3 Lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm từ 1858 đến nay

***2.2. Đặc điểm, nghệ thuật quân sự trong kháng chiến chống ngoại xâm***

2.2.1 Nghệ thuật quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công đi đôi với giành thế chủ động trong chiến tranh .

2.2.2 Nghệ thuật tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp để giành chiến thắng

2.2.3 Nghệ thuật tạo lực, lập thế, phát huy các nhân tố thiên thời- địa lợi- nhân hoà.

2.2.4. Nghệ thuật biết kìm chế địch để giành thắng lợi từng bước

2.2.5. Nghệ thuật khởi đầu và kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất

**Chương 3.** KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

***3.1 Các nhân tố tác động với quá trình lịch sử Việt Nam***

3.1.1. Về địa lý, điều kiện tự nhiên.

3.1.2. Đời sống kinh tế - xã hội,

3.1.3. Bối cảnh quốc tế và khu vực

***3.2 Tác động của lịch sử chống ngoại xâm với tiến trình lịch sử Việt Nam***

3.2.1 Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc Thuộc

3.2.2 Thời kỳ từ thế kỷ X đến 1858

3.2.3 Thời kỳ từ 1858 đến 1945

3.2.4 Tác động hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận – hiện đại tới tiến trình lịch sử dân tộc.

3.4. Bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

**12.Tài liệu tham khảo chính**


1. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc: *Chiến thắng Bạch Đằng 938 và 1288*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội,1987
2. Nguyễn Lương Bích: *Quang Trung Nguyễn Huệ*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1989.
3. Văn Tân: *Cách mạng Tây Sơn*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958.
4. Phan Huy Lê (chủ biên): *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb QĐND, H., 2004 (tái bản)
5. Trần Bá Chí: *Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (980-981)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1992.
6. Hoàng Xuân Hãn: *Lý Thường Kiệt, lịch sử ngoại giao tông giáo triều Lý*, Nxb Quân đội nhân dân, H., 2003 (tái bản)
7. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb Khoa học xã hội, H., 2005 (tái bản).
8. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)*, Nxb Quân đội nhân dân, H., 2005 (tái bản)
9. Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng: *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*. Nxb QĐND, H.,1971. .
10. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp – Thắng lợi và bài* học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước - Thắng lợi và bài* học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam, thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia.
13. Trường Chinh (1975), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
14. Lê Duẩn (1993), *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. D. G. E. Hall, *Looking at Southeast Asian History*, The Journal of Asian Studies, Vol. 19, No. 3 (May, 1960), pp. 243-253.
16. Frédéric MantienneSource, *The Transfer of Western Military Technology to Vietnam in the Late Eighteenth and Early Nineteenth Centuries: The Case of the Nguyễn*, Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 34, No. 3 (Oct., 2003), pp.519-534.
17. George Dutton, *The Tay Son Uprising: society and rebellion in eighteenth-century Vietnam***,** Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
18. Hue-Tam Ho Tai, *Radicalism and the origins of the Vietnamese revolution*, Cambridge, Mass. : Harvard University Press, 1992.
19. John W. GarverSource, *Sino-Vietnamese Conflict and the Sino-American Rapproachment*, Political Science Quarterly, Vol. 96, No. 3 (Autumn, 1981), pp. 445-464.
20. Keith Taylor: *The birth of Vietnam: Sino-Vietnamese relations to the tenth century and the Origins of Vietnamese Nationhood*, Berkeley: University of Califorlia Press, 1983.

21. Mark W. McLeod, *The Treaty of Saigon and the Vietnamese Response to French Intervention, 1862-1874*, PhD. Dissertation, University of Califorlia, Los Angeles, 1988.
22. Nguyễn Vinh Phúc: *Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở Hà Nội*. Nxb Hà Nội, 1983

### 2.2.5. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

**1. Tên học phần:** Quá trình hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam

**2. Mã học phần:** LSCX602

**3.Tên tiếng Anh:** Major Issues of the National Process in Vietnamese History

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuệ; PGS.TS. Mai Văn Tùng

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu**

- Giúp NCS nắm được các khái niệm cơ bản về dân tộc (tộc người); dân tộc (quốc gia dân tộc) cũng như quá trình hình thành dân tộc Việt Nam (tư cách là quốc gia dân tộc) với những đặc điểm cơ bản nhất.

- Trên thực tế, trong nhiều thập kỷ qua qua, vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Nội dung chuyên đề này cung cấp cho NCS một hệ thống quan điểm khác nhau trong giới nghiên cứu về vấn đề này, đồng thời phác dựng lại toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam tiến tới hình thành dân tộc quốc gia thống nhất.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

-Hiểu sâu sắc hơn các khái niệm cơ bản về dân tộc, dân tộc, cũng như quá trình hình thành dân tộc Việt Nam.

- Có cách nhìn nhận, đánh giá và giải quyết vấn đề dân tộc một cách khoa học.

- Tăng cường kỹ năng phân tích, kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**9. Nội dung vắn tắt**

- Giới thiệu khái quát một số khái niệm về dân tộc của học giả trong nước và nước ngoài, của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác Lê nin về vấn đề dân tộc. Các quan điểm khác nhau về khái niệm dân tộc và quá trình hình thành dân tộc ở Việt Nam.

- Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, sống xen kẽ với nhau, thống nhất trong đa dạng về văn hoá từ lâu đời. Học phần sẽ trình bày các tiêu chí xác định tộc người trên thế giới và Việt Nam. Giới thiệu 54 thành phần dân tộc Việt Nam và những đặc trưng văn hoá tộc người, lịch sử hình thành và quá trình phát triển (quá trình tộc người). Từ đó tìm ra mối quan hệ giữa các dân tộc Việt Nam - và những nguyên nhân chủ quan, khách quan của mối quan hệ đó cũng như xu thế phát triển các dân tộc Việt Nam. Vai trò quan hệ dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các dân tộc Việt Nam.

**10. Đánh giá kết quả**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

**11. Nội dung chi tiết học phần**

Chương 1. VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA SỰ HÌNH THÀNH DÂN TỘC VÀ SỰ VẬN DỤNG NÓ VÀO VIỆC NGHIÊN CỨU SỰ HÌNH THÀNH DÂN TỘC VIỆT NAM

***1.1. Một số thuật ngữ, khái niệm***

1.1.1. Dân tộc

1.1.2. Tộc người

1.1.3. Quốc gia dân tộc

***1.2. Các ý kiến về sự hình hành dân tộc***

1.2.1. Ý kiến của Mác và Ăngghen

1.2.2. Ý kiến của Lênin và Stalin

1.2.3. Ý kiến trong thư tịch phương Đông

***1.3. Việc vận dụng các ý kiến trên vào nghiên cứu sự hình thành dân tộc Việt Nam***

1.3.1. Những ý kiến bám sát vào định nghĩa dân tộc của Stalin

1.3.2. Những ý kiến vận dụng sáng tạo định nghĩa dân tộc của Stalin

***1.4. Các cuộc thảo luận về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam***

3.1. Giai đoạn thứ 1 (1955-1965)

3.1.2. Giai đoạn thứ 2 (1965-1980)

3.1.3. Giai đoạn thứ 3 (1980-1982)

Chương 2. VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

***1.1. Vấn đề Giao Chỉ***

1.1.1. Truyền thuyết lưu hành trong dân gian

1.1.2. Truyền thuyết được ghi chép trong các thư tịch cổ thời quân chủ Việt Nam và Trung Quốc

***2.2. Về vùng đất Giao Chỉ***

2.2.1. Các nhà chú giải sử thư của Trung Quốc,

2.2.2. Nhận định của giới sử học Trung Hoa gần đây

***2.3. Người Giao Chỉ với tổ tiên của dân tộc Việt Nam***

2.3.1. Bách Việt

2.3.2. Lạc Việt

Chương 3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DÂN TỘC VIỆT NAM

***3.1. Các yếu tố tác động đến sự hình dân tộc Việt Nam***

3.1.1. Địa vực cư trú

3.1.2. Tiếng nói

3.1.3. Kinh tế,

3.1.4. Tâm lý – Văn hóa

3.1.5. Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền

***3.2. Sự hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam***

3.2.1. Thời điểm xác lập

3.2.2. Nguyên nhân hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam

3.2.3. Các quan điểm về sự hình thành Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền ở Việt Nam

***3.3. Dân tộc Việt Nam trong thời kỳ cận- hiện đại***

**12. Tài liệu tham khảo chính**

1. Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam – Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2. Đào Duy Anh (2001), *Lịch sử Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3. Phan Huy Lê (2001), *Tìm về cội nguồn*. Nxb Thế giới, Hà Nội.

4. Trần Huy Liệu (1955), *Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ*. Tập san *Văn Sử Địa*, số 5.

5. Trần Huy Liệu (6/1956), *Bàn thêm về sự hình thành dân tộc Việt Nam*. Tập san *Văn Sử Địa*, số 18.
6. Minh Tranh (1/1957), *Khởi nghĩa Tây Sơn và sự hình thành dân tộc Việt Nam*. Tập san *Văn Sử Địa*, số 24.
7. Văn Tân (11/1959), *Bàn góp vào công trình tìm tòi nguồn gốc dân tộc Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9, tháng 11-1959.
8. Văn Tân: *Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3, tháng 6-1968.
9. Nguyễn Lương Bích: *Những tiêu chuẩn nhận định sự hình thành dân tộc*. Tập san *Văn Sử Địa*, số 12, tháng 12-1955.
10. Nguyễn Lương Bích: *Quá trình phát triển của các cộng đồng người là tiến từ bộ lạc lên bộ tộc, từ bộ tộc lên dân tộc, hay tiến thẳng từ bộ lạc lên dân tộc*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 49, tháng 4-1963.
11. Hoàng Xuân Nhị: *Xác định quan điểm của chúng ta về vấn đề dân tộc và sự hình thành của dân tộc Việt Nam*. Tập san *Đại học Sư phạm*, số 5, tháng 1-2-3/1956.
12. Hà Văn Tấn: *Về khái niệm dân tộc (nation) của Mác và Enghen và sự hình thành dân tộc Việt*. Tạp chí *Dân tộc học*, số 2-1980.
13. Hà Văn Tấn: *Dân tộc ta hình thành từ bao giờ*. Tạp chí *Tổ quốc*, số 403, tháng 4-1980.
14. Đặng Nghiêm Vạn: *Dân tộc Việt Nam, một cộng đồng dân tộc thống nhất không gì lay chuyển nổi*. Tạp chí *Học tập*, số 5-1974.
15. Đặng Nghiêm Vạn: *Những chặng đường hình thành dân tộc Việt Nam thống nhất*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-1978.
16. Bùi Khánh Thế: *Tiếng Việt, tiếng nói thống nhất của dân tộc thống nhất*. Trong: *Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
17. Đinh Gia Khánh: *Văn hóa thống nhất của dân tộc thống nhất*. Trong: *Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
18. Vương Hoàng Tuyên: *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam*. Báo cáo khoa học tại Hội nghị toàn quốc ngành Lịch sử các trường đại học, tháng 6-1979, ở Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC CHUYÊN ĐỀ Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chọn 2 trong số các chuyên đề sau:

### 3.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA- TƯ TƯỞNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

**1. Tên chuyên đề:** Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam

**2. Mã chuyên đề:** LSVT6010

**3. Tên tiếng Anh:** Major Issues of Culture and Ideology in Vietnamese History

**4. Khối lượng:** 3TC (Lý thuyết: 35 giờ; Bài tập/Thảo luận: 20 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách**: PGS.TS Nguyễn Thị Thúy; TS. Vũ Quý Thu

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của chuyên đề:** Chuyên đề này nhằm đem lại cho NCS:

- Nắm được những nội dung cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam.
- Hiểu được quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng đến từ các nền văn hóa khác .
- Trên cơ sở được trang bị kiến thức hệ thống về diễn trình văn hóa-lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, NCS hiểu sâu sắc hơn những di sản văn hóa-tư tưởng đang tác động đến đời sống hiện tại.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Đánh giá được các thành tựu và các di tồn của di sản văn hóa- tư tưởng của dân tộc Việt Nam
- So sánh quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng của dân tộc Việt Nam và các nền văn hóa, văn minh khu vực và thế giới.
- Vận dụng kiến thức về lịch sử văn hóa- tư tưởng để hệ thống được quy luật phát triển kinh tế- xã hội qua các thời kỳ lịch sử.
- Phân tích được những tác động của văn hóa và tư tưởng đến đời sống hiện tại.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Giới thiệu khái quát một số khái niệm và lý luận cơ bản về văn hóa, tư tưởng
- Quá trình hình thành, phát triển và những đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam.
- Quá trình tiếp biến những giá trị văn hoá, tư tưởng đến từ các nền văn hóa khác (Đạo, Phật, Nho, chủ nghĩa Mác-Lênin)

- Ảnh hưởng và tác động của di sản văn hóa tư tưởng đến đời sống con người Việt Nam hiện nay.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**11. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

**Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản**

***1.1. Văn hóa***

1.1.1. Những nội dung cốt yếu và sự đa dạng trong định nghĩa

1.1.2. Các thành tố văn hóa

1.1.3. Không gian văn hóa

1.1.4. Đặc trưng văn hóa

1.1.5. Tiếp biến, giao thoa, đồng hóa văn hóa

***1.2. Văn minh***

1.2.1. Những nội dung cốt yếu

1.2.2. Nền văn minh, dạng thức văn minh và thời đại văn minh

1.2.3. Đặc trưng của văn minh nông nghiệp lúa nước

***1.3. Tư tưởng***

1.3.1. Các loại hình tư tưởng

1.3.2. Vị trí của tư tưởng trong đời sống xã hội

1.3.3. Quan hệ giữa văn hóa, tư tưởng và tôn giáo

**Chương 2. Văn hóa truyền thống Việt Nam**

***2.1. Các không gian văn hóa Việt Nam***

2.1.1. Không gian văn hóa đồng bằng – trung du Bắc Bộ

2.1.2. Không gian văn hóa Miền Trung

2.1.3. Không gian văn hóa Nam Bộ

***2.2. Những đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam***

2.2.1. Văn hóa nông nghiệp (xét từ góc độ sản xuất)

2.2.2. Văn hóa sông nước (xét từ góc độ điều kiện kiện tư nhiên, môi trường sống)

2.2.3. Văn hóa làng xã (xét từ góc độ quan hệ xã hội)

2.2.4. Tục thờ cúng Tổ tiên (xét từ góc độ đời sống tâm linh)

2.2.5. Truyền thống kiên cường, bất khuất (xét từ góc độ hoàn cảnh lịch sử)

***2.3. Quá trình quy tụ, hợp nhất dòng chảy văn hóa***

2.3.1. Quá trình hợp lưu văn hóa Việt – Chăm (thế kỷ XI – thế kỷ XVII)

2.3.1. Quá trình hợp lưu văn hóa Việt – Khmer (thế kỷ XVII - thế kỷ XIX)

2.3.3. Quá trình hình thành một nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng

**Chương 3. Sự phát triển của tư tưởng trong lịch sử Việt Nam**

***3.1. Tư tưởng bản địa***

3.1.1. Tư tưởng *hòa đồng*

3.1.2. Tư tưởng nhân ái, trọng nghĩa tình, hướng về nguồn cội

3.1.3. Tư tưởng sùng bái các thế lực siêu nhiên (núi, song, biển cả, các đáng thần linh…)

**3.2. *Tư tưởng và tôn giáo đến từ các nền văn hóa khác***

3.2.1. Tư tưởng Nho giáo, Lão giáo

3.2.2. Tư tưởng Phật giáo

3.2.3. Quá trình du nhập Thiên chúa giáo và một số tôn giáo khác

3.2.4. Quá trình du nhập Chủ nghĩa Mác vào Việt Nam

***3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh***

3.3.1. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh hoa văn hóa Việt Nam và sự tích hợp các giá trị văn hóa Đông-Tây.

3.3.2. Quá trình hình thành bệ đỡ tư tưởng của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

**12. Tài liệu tham khảo chính**


**1. Đào Duy Anh: Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, NXB Thế Giới, 2014**

2. Phan Huy Lê, Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bọ phận., Nxb Thế giới, 2012.

3. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên), Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay, Tập I và II, Hà Nội, 1996.

**4. Phan Ngọc: Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, NXB Văn học, 2015.**

**5. Trần Ngọc Thêm:Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, NXB Thp. Hồ Chí Minh, 2006**

6. Trần Quốc Vượng: Văn Hóa Việt Nam, NXB Thời đại, 2013

7. Trần Quốc Vượng: Văn hóa Việt Nam những hướng tiếp cận liên ngành, NXB Văn học, 2015.

8. Văn Hóa Một Số Vùng Miền Ở Việt Nam (Nhiều tác giả), NXB Thời đại, 2013
9. Vũ Minh Giang: Lịch sử Việt Nam: Truyền thống và hiện đại, NXB Giáo dục, 2009
10. Vũ Ngọc Khánh: Làng Văn hóa cổ truyền Việt Nam, NXB Văn học, 2013

### 3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1945- 1975)

**1. Tên chuyên đề:** Một số vấn đề về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945- 1975)

**2. Mã chuyên đề:** LSCT6011

**3. Tên tiếng Anh:** Major Issues of the Vietnamese Revolution Struggle (1945- 1975)

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách**: PGS.TS Trần Ngọc Long; TS. Nguyễn Thị Thu Hà

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của chuyên đề:** Chuyên đề này nhằm đem lại cho NCS:

- Nắm được một số vấn đề cơ bản về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) như : Quan điểm, chủ trương của Đảng về chiến tranh cách mạng ; nguồn gốc và bản chất chiến tranh; một số mốc lịch sử quan trọng…

- Trang bị những nhận thức mới của quốc tế và trong nước về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975); ưu khuyết điểm của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)…

- Trên cơ sở được trang bị kiến thức hệ thống về tiến trình cuộc chiến tranh cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, NCS hiểu sâu sắc hơn về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong chiến tranh cách mạng Việt Nam và hình thành nhận thức về những bài học cần thiết cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

**8. Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu sâu sắc hơn về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong chiến tranh cách mạng Việt Nam

-Vận dụng bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, thảo luận, tổng hợp, đánh giá các sự kiện lịch sử; kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng thực tế chuyên môn trên hiện

trường lịch sử; kỹ năng lựa chọn và giải quyết vấn đề theo hướng nghiên cứu khoa học.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Khái quát về bối cảnh quan hệ quốc tế 1945-1975; Đường lối chỉ đạo chiến tranh cách mạng Việt Nam (gồm cả chính trị và quân sự); Những sự kiện và tiến trình lịch sử chủ yếu của chiến tranh cách mạng 1945-1975.

- Đi sâu phân tích về nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong chiến tranh cách mạng Việt Nam; Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm; Những nhận thức mới của quốc tế và trong nước về chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975).

- Làm rõ được nguồn gốc sâu xa sức mạnh của nhân dân Việt Nam và sự chỉ đạo tài tình chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Từ những thắng lợi của chiến tranh cách mạng Việt Nam rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**11. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

**Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản**

***1.1. Một số thuật ngữ và khái niệm***

***1.2. Bản chất của chiến tranh***

1.2.1. Tính chất xã hội của chiến tranh.

1.2.2. Mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị

***1.3. Các loại hình và một số quy luật phổ biến của chiến tranh***

1.3.1. Các loại hình chiến tranh

1.3.2. Một số quy luật phổ biến của chiến tranh

**Chương 2. Tiền đề lịch sử và tiến trình chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975*)***

***2.1. Bối cảnh lịch sử và nguyên nhân chiến tranh***

2.1.1.Bối cảnh và nguyên nhân của cuộc chiến tranh (1945- 1954)

2.1.1.Bối cảnh và nguyên nhân của cuộc chiến tranh (1954- 1975)

***2.2. Quan điểm, chủ trương của Đảng***

2.2.1.Cơ sở hình thành quan điểm chủ trương của Đảng

2.2.2. Một số quan điểm, chủ trương cụ thể xuyên suốt của Đảng

***2. 3. Tiến trình cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954 )***

3.3.1. Giai đoạn từ 23/9/1945 đến hết chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông 1947

3.3.2. Giai đoạn từ chiến thắng Việt Bắc Thu- Đông 1947 đến chiến thắng Biên giới năm 1950 .

3.3.3. Giai đoạn từ chiến thắng Biên Giới năm 1950 đến chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

***2.4. Tiến trình cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 -1975)***

2.4.1. Giai đoạn từ 1954 đến1960

2.4.2. Giai đoạn từ 1961 đến 1964

2.4.3. Giai đoạn từ 1965 đến 1968

2.4.4. Giai đoạn từ 1969 đến 1973

2.4.5. Giai đoạn từ 1973 đến 1975

**Chương 3. Đặc điểm, nghệ thuật quân sự và những vấn đề đặt ra trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)**

***3.1. Tính chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh giải phóng (1945-1975)***

3.1.1. Tính chất

3.1.2. Đặc điểm

***3.2. Nghệ thuật quân sự trong chiến tranh cách mạng Việt Nam***

3.2.1. Nghệ thuật quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công đi đôi với giành thế chủ động trong chiến tranh .

3.2.2. Nghệ thuật tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp để giành chiến thắng

3.2.3. Nghệ thuật tạo lực, lập thế, phát huy các nhân tố thiên thời- địa lợi- nhân hoà.

3.2.4. Nghệ thuật khởi đầu và kết thúc chiến tranh một cách có lợi nhất

***3.3. Một số "khoảng trống" về cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm đặt ra cần được làm rõ***

3.3.1 Có hay không cơ hội để có thể tránh được cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm? Phải chăng chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội đó ?

3.3.2. Thực chất vấn đề giải tán Đảng, Hiệp định Sơ bộ, Tạm ước 14-9, Toàn quốc kháng chiến ?

3.3.3. Đánh giá vai trò của viện trợ và cố vấn Trung Quốc cho Việt Nam trong 2 cuộc kháng chiến.

3.3.4. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 và Hiệp định Paris 1973

3.3.5. Quan hệ Mỹ- Trung- Xô với chiến tranh Việt Nam

***3.4. Một số ưu, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh cách mạng***

3.1. Ưu điểm

3.2. Khuyết điểm, sai lầm

**12.Tài liệu tham khảo chính**


1. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp – Thắng lợi và bài* học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước - Thắng lợi và bài* học, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam, thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Trường Chinh (1975), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Lê Duẩn (1993), *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Một số tập trong thời kỳ 1945-1975 trong *Văn kiện Đảng toàn tập* (2002, 2003), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Lê Duẩn (1985), *Về chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước ở Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
8. Võ Nguyên Giáp (1974), *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước tập 1*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
9. Võ Nguyên Giáp (1975), *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, tập 2*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
10. Võ Nguyên Giáp (1976), *Sức mạnh vô địch chiến tranh nhân dân đánh thắng kẻ thù trong thời đại mới*, Nxb Sự thật.
11. Võ Nguyên Giáp (1973), *Đường lối quân sự của Đảng là ngọn cờ trăm trận trăm thắng của chiến tranh nhân dân ở nước ta*, Nxb Quân đội Nhân dân,Hà Nội.
12. G.C. Herring (1979), *America's Longest War. The US and Vietnam 1950-1975*. NXB John Wiley & Sons.

13. Joseph Buttinger (1969), *Vietnam: A political history*, Praeger Publishers, United State of American.
14. Ken Post (Institute of Social Studies- The Hague) (1994), *Revolution, socialism and nationalism in Vietnam- Volume V: Winning the war and losing the peace*, Dartmouth Publishing Company Limited, England.
15. Mai cơn Masclia (1995), *Cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Philíp B. Davitson (1995), *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Mác Namara (1995), *Nhìn lại quá khứ- Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Gabrien Côncô (1989), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
19. Stanley Karnow (1997), *Vietnam a history*, Penguin Books.
20. John Norton Moore & Robert F. Turner (2002), *The real lessons of Vietnam war: Reflection 25 years after the fall of Saigon*, Carolina Academic Press.
21. Lien Hang T. Nguyen (2012), *Hanoi's war: an international History of the war for peace in VN*, The University of North Carolina Press, Chapel Hill.

## 3.3. VỀ CÁC MÔ HÌNH THIẾT CHẾ CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

**1. Tên chuyên đề:** Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam.

**2. Mã chuyên đề:** LSMH6012

**3.Tên tiếng Anh:** On the models of Political Institutions and Social management in Vietnam

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách**: GS.TSKH Vũ Minh Giang; PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu của chuyên đề:** Chuyên đề này nhằm đem lại cho NCS:

- Hiểu được diễn tiến của thiết chế chính trị và các hình thức quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam thông qua các mô hình tổng quát.

- Có thể nắm được mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố dẫn tới sự hình thành, phát triển và biến đổi của các mô hình đó.

- Trên cơ sở nắm vững các mô hình từng tồn tại trong quá khứ, NCS hiểu sâu sắc thêm và lý giải những hiện tượng đang diễn ra.

**8. Chuẩn đầu ra của chuyên đề:**

Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng

- Phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố như điều kiện tự nhiên; dân cư; kinh tế đến sự biến đổi của các mô hình chính trị- xã hội Việt Nam.

- So sánh được các thiết chế chính trị và hình thức quản lý xã hội trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc Việt Nam.

- Vận dụng kiến thức đã học để phân tích và đánh giá được thiết chế chính trị và hình thức quản lý xã hội của nhà nước Việt Nam hiện nay.

**9. Nội dung tóm tắt:**

- Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản và toàn diện về khái niệm và lý luận mô hình chính trị và quản lý xã hội; về những yếu tố tác động tới thiết chế chính trị và quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam;

- Những đặc trưng cơ bản của các mô hình thiết chế chính trị và phương thức quản lý xã hội truyền thống Việt Nam; về các thiết chế quan phương, phi quan phương và mối quan hệ của chúng trong cấu trúc mô hình quản lý xã hội; về quá trình ra đời, phát triển của một số mô hình quản lý xã hội tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

- Ảnh hưởng và tác động của các di tồn lịch sử của các thiết chế chính trị, phương thức quản lý xã hội đến tiến trình lịch sử dân tộc và đời sống con người Việt Nam hiện nay.

**10. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**11. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

**Chương 1. Thuật ngữ, khái niệm và một số lý luận cơ bản**

*1.1. Chính trị*

1.1.1. Nội hàm khái niệm

1.1.2. Thiết chế chính trị từ tiếp cận chính trị học

1.1.3. Thiết chế chính trị từ tiếp cận văn hóa học

*1.2. Quản lý xã hội*

1.2.1. Thiết chế quản lý quan phương

1.2.2. Định chế quản lý phi quan phương

1.2.4. Đặc trưng văn hóa của quyền lực

**Chương 2. Các mô hình hình thiết chế chính trị trong lịch sử Việt Nam**

*2.1. Thời kỳ Cổ-Trung đại*

2.1.1. Mô hình nhà nước sơ khai thời Hùng vương và An Dương vương

2.1.2. Thiết chế cai trị theo "mô hình Hán"

2.1.3. Thiết chế cai trị theo "mô hình Tùy – Đường"

2.1.4. Mô hình chính quyền quân sự

2.1.5. Mô hình "tập quyền thân dân"

2.1.6. Mô hình "tập quyền quan liêu"

2.1.7. Thiết chế "Lưỡng đầu"

2.1.8. Mô hình "tập quyền chuyên chế"

*2.2. Thời kỳ Cận-Hiện đại*

2.2.1. Mô hình chính quyền thực dân

2.2.2. Mô hình chính quyền chuyên chính vô sản ở Miền Bắc từ 1954-1975

2.2.3.Mô hình chính quyền VNCH ở Miền Nam từ 1954-1975

2.2.4. Mô hình chính quyền CHXHCN trên cả nước từ sau 1975 đến nay

**Chương III. *Các hình thức tổ chức quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam***

*3.1. Các thiết chế truyền thống*

3.1.1. Làng, Liên làng, Siêu làng

3.1.2. Các thiết chế cộng đồng (họ, phường, hội, tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng…)

3.1.3. Quan hệ giữa các cấp chính quyền với thiết chế phi quan phương

*3.2. Các tổ chức quản lý dân sự thời kỳ Cận – Hiện đại*

3.2.1. Các hội đoàn

3.2.2. Các đảng phái chính trị

3.2.3. Các tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp

3.2.4. Các hình thức tự quản khác

**12. Tài liệu tham khảo chính**

1. Dương Kinh Quốc, (1988), Chính quyền thuộc địa Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945, NXB KHXH,Hà Nội.

2. Yu Isnun (199$), Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII, NXB KHXH, Hà Nộ.i
3. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và HTCT nước ta trước thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Quan hệ nhà nước - làng xã: quá trình lịch sử và bài học kinh nghiệm* in trong *Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001-2006)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Phan Huy Lê, *Thiết chế chính trị: di sản và kế thừa*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 2, 1993.
7.Vũ Minh Giang: *Lịch sử và hiện trạng hệ thống chính trị nước ta - một số vấn đề khoa học đang đặt ra,* Tạp chí Khoa học, số 2/1993.
Vũ Minh Giang:Thiết chế làng xã cổ truyền và quá trình dân chủ hóa ở nước ta, Tc Thông tin lý luận, số 9/1992
8. Vũ Minh Giang: Những hệ luận rút ra từ những đặc trưng của lịch sử hệ thống chính trị nước Việt Nam, Tc Khoa học số 6/1993
Vũ Minh Giang (1993), "Những hệ luận rút ra từ những đặc trưng của lịch sử hệ thống chính trị Việt Nam", Tạp chí Khoa học số 6/1993
9. Emmanuel Poisson: Quan và lại ở Miền Bắc Việt Nam: Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918), NXB Đà Nẵng, 2006
10.K. W. Taylor, *The birth of Vietnam*, University of California Press, 1983.
11.Benedict J. Tria Kerkvliet, *Village-State Relations in Vietnam: The Effect of Everyday Politics on Decollectivization*, The Journal of Asian Studies, Vol. 54, No. 2 (May, 1995), pp. 396-418.
12.Paul Mus, *The Role of the Village in Vietnamese Politics*, Pacific Affairs, Vol. 22, No. 3 (Sep., 1949), pp. 265-272.
13.K. W. Taylor, *The "Twelve Lords" in Tenth-Century Vietnam*, Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 14, No. 1 (Mar., 1983), pp. 46-62.
14.Phan Huy Lê, *Tính chất, chức năng nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 208, 1983.
15.Nguyễn Thừa Hỷ, *Về kết cấu đẳng cấp của thiết chế chính trị - xã hội thời Lý - Trần*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 169, 1976, tr.42-53.

16.Lê Kim Ngân, *Tổ chức chính quyền trung ương dưới thời Lê Thánh Tông (1460-1497)*, Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1963.
17.J.K. Whitmore, *The development of Lê government in Fifteenth Century Vietnam*, Cornell University, 1968.
18.Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật: *Nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1994
19.Lê Kim Ngân: *Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Sài Gòn, 1973.
20.Yu Insun: Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII, Nxb KHXH, Hà Nội, 1994
21.Li Tana, An Alternative Vietnam? The Nguyen Kingdom in the Seventeenth and Eighteenth Centuries, Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 29, No. 1 (Mar., 1998), pp. 111-121.
22.Nola Cooke, *Regionalism and the Nature of Nguyen Rule in Seventeenth-Century Dang Trong (Cochinchina*), Journal of Southeast Asian Studies, Vol. 29, No. 1 (Mar., 1998), pp. 122-161.
23.Ta van Tai, *Vietnam's Code of the Lê Dynasty (1428-1788)*, The American Journal of Comparative Law, Vol. 30, No. 3 (Summer, 1982), pp. 523-554.
24.Alexander B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model: a comparative study of Nguyen and Ching civil government in the first half of the nineteenth century*, Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1971.
25.Đỗ Bang (chủ biên): *Tổ chức bộ máy nhà nước dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884*. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997.
26.Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Nxb Tp.Hồ Chí Minh, 1995.
27.Vũ Minh Giang, *Quan hệ giữa các yếu tố truyền thống với hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên CHXH ở nước ta*, *Tạp chí Thông tin lý luận*, số 7, 1993.
28.Nguyễn Phan Quang (viết chung) (1995), *Mấy vấn đề về quản lý nhà nước và củng cố pháp quyền trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## 3.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÃNH THỔ VÀ CHỦ QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

**1. Tên chuyên đề:** Một số vấn đề về quá trình hình thành lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam

**2. Mã chuyên đề:** LSLT6013

**3.Tên tiếng Anh:** The process of territory and sovereignty in vietnam history

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách**: GS.TS. Phạm Hồng Tung; GS.TSKH Vũ Minh Giang.

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

**7. Mục tiêu chuyên đề**

- Giúp người học nắm được quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền và hải đảo trong tiến trình lịch sử.

- Cung cấp cho người học những chứng cứ lịch sử, căn cứ khoa học và pháp lý về tính chính đáng trong quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền của Việt Nam.

- Trang bị cho người học những kiến thức để có thể tham gia vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền trong tình hình phức tạp hiện nay.

**8. Chuẩn đầu ra của chuyên đề:** Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Hiểu một cách có hệ thống về quá trình dựng nước, giữ nước và chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

- Phân tích những cứ liệu khoa học, bằng chứng lịch sử và khẳng định tính pháp lý trong quá trình hình thành, phát triển lãnh thổ và chủ quyền dân tộc Việt Nam.

- Vận dụng lí thuyết đã học để giáo dục truyền thống và tuyên truyền sự nghiệp đấu tranh bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền, đặc biệt là vấn đề biển Đông trong tình hiện nay.

**9. Nội dung tóm tắt**

- Giới thiệu khái quát quá trình hình thành và phát triển lãnh thổ và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liên, biển và hải đảo.

- Quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng định chủ quyền trên vùng đất phía Nam

- Quá trình phát hiện, khai thác nguồn lợi và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

10**. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**11. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

**Chương 1.** ***Khái quát về cương giới Việt Nam dưới thời phong kiến***

*1.1. Từ khởi nguồn đến thế kỷ XI*

1.1.1. Cương vực nước Văn Lang, Âu Lạc

1.1.2. Lãnh thổ Âu Lạc trong phạm vi nước Nam Việt

1.1.3. Giao Châu và vấn đề quận Nhật Nam

1.1.4. Lãnh thổ Việt Nam sau khi giành độc lập đến giữa thế kỷ XI

1.1.5. Vùng đất phía Nam : sự thay đổi cương giới của Champa và Phù Nam

*1.2. Từ cuối thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XVI*

1.2.1. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1069

1.2.3. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1306

1.2.4. Sự thay đổi cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1402

1.2.5. Vấn đề cương giới Đại Việt – Champa sau năm 1471

1.2.6. Các chúa Nguyễn với sự nghiệp phát triển xứ Đàng Trong từ 1558-1627

1.3. *Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX*

1.3.1. Chính sách mở mang đất đai và xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn

1.3.2. Xác lập chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ

1.3.4. Xác lập chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

**Chương 2.** ***Lãnh thổ và chủ quyền Việt Nam thời Cận - Hiện đại***

*2.1. Dưới thời Pháp thuộc*

2.1.1. Việt Nam trong Liên bang Đông Dương

2.1.2. Về 3 xứ Bắc, Trung và Nam kỳ

2.1.3. Pháp tiếp tục qảu lý Hoàng Sa và Trường Sa

*2.2. Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam sau Hiệp nghị Geneva*

2.2.1. Giới tuyến tạm thời và sự hình thành 2 quốc gia

2.2.2. Hoàng Sa bị Trung Quốc chiếm đóng

2.2. 3. Việt Nam thống nhất sau 1975

2.2.4. Trung Quốc chiếm một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

**Chương 3.** ***Công cuộc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ hiện nay***

*3.1. Lãnh thổ trên bộ*

3.1.1. Vấn đề xác định biên giới phía bắc với Trung Quốc

3.1.2. Phân giới cắm mốc phí Tây với Lào và Campuchia

3.1.4. Vấn đề chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ

*3.2. Chủ quyền trên biển và hải đảo*

3.2.1. Đảo Phú Quốc và đường Brevie

3.2.2. Chứng cớ lịch sử và căn cứ pháp lý về chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3.2.3. Ý đồ độc chiếm biển Đông của Trung Quốc

**12. Tài liệu tham khảo chính**


1. Dương Văn An: Ô châu cận lục (bản dịch), NXB Giáo dục, 2009

2. Đào Duy Anh : Đất nước Việt Nam qua các đời, NXB Văn hóa – Thông tin, 2005

3. Lê Quý Đôn: Phủ biên tạp tục (bản dịch), NXB Giáo dục, 2007

4. Nguyễn Nhã: Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo, NXB Giáo dục, 2013

5. Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chí (Dư địa chí, bản dịch), NXB Trẻ, 2014

6. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam nhất thống chí (bản dịch), NXB Lao động, 2012.

7. Trịnh Hoài Đức: Gia Định thành thông chí, NXB Đồng Nai, 2010

8. Vũ Minh Giang: Chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ, Tc Khoa học (KHXH&NV) số 1/2006.

9. Vũ Minh Giang: Căn cứ khoa học về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam, số 21/2013

10. Vũ Minh Giang : Lập luận và chứng cứ phi lý, phản khoa học của Trung Quốc về chủ quyền trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam, số 12/2014

## 4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

### 4.1. Nghiên cứu khoa học

Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ, viết báo cáo khoa học liên quan đến chuyên đề tiến sĩ của mình và báo cáo tại các buổi sinh hoạt khoa học hằng năm của Khoa đào tạo; viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá điểm công trình đến 1 điểm, đồng thời thuộc danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo.

***Danh mục các hướng nghiên cứu đề tài luận án và số lượng NCS có thể tiếp nhận***

| ***S TT*** | ***Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu Có thể nhận hướng dẫn NCS*** | ***Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn NCS*** | ***Số lượng NCS có thể tiếp nhận*** |
|---|---|---|---|
| 1 | Quá trình hình thành và phát triển của các làng Việt cổ truyền | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 5 |
| 2 | Lịch sử văn hóa làng xã Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 3 | Quá trình hình thành và phát triển các đô thị Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 4 |
| 4 | Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam | PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Trần Văn Thức, TS. Vũ Quý Thu TS. Nguyễn Thị Thu Hà. | 4 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 5 | Lịch sử tôn giáo Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 6 | Lịch sử tư tưởng Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ | 3 |
| 7 | Sự hình thành và phát triển các dân tộc Việt Nam | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 8 | Lịch sử giáo dục và khoa cử Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải | 4 |
| 9 | Các trung tâm kinh tế Việt Nam trong lịch sử | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Thanh Thủy | 4 |
| 10 | Lịch sử của các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS. TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải | 5 |
| 11 | Quá trình hình thành và phát triển các không gian lịch sử- văn hóa Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | 3 |
| 12 | Nông thôn Việt Nam trong lịch sử | GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng. | 3 |
| 13 | Tình hình ruộng đất và kinh tế nông | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị | 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | nghiệp trong lịch sử Việt Nam | Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng | |
| 14 | Các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Trần Văn Thức | 3 |
| 15 | Khởi nghĩa nông dân trong thời kỳ cổ- trung đại Việt Nam | GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà | 3 |
| 16 | Vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 5 |
| 17 | Lịch sử các dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 5 |
| 18 | Các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 5 |
| 19 | Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới. | PGS.TS Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Hoàng Thanh Hải, TS. Lê Sỹ Hưng, TS. Lê Thanh Thủy | 3 |

**4.2. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ được thực hiện và đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu quy định tại Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ (*Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (*ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ và quy định của trường đại học Hồng Đức.

## 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh, bộ môn phụ trách đào tạo nghiên cứu sinh và Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp khoa sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Bộ môn phụ trách đào tạo nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Tổ chức dạy học và đánh giá học phần bổ sung:

- Đối với các học phần bổ sung theo yêu cầu ở trình độ đào tạo đại học: Căn cứ yêu cầu cụ thể các học phần của từng nghiên cứu sinh, trường Đại học Hồng Đức sẽ bố trí và yêu cầu nghiên cứu sinh theo học cùng với các lớp đại học tại trường.

- Đối với các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: Nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tại trường Đại học Hồng Đức.

- Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá các học phần bổ sung theo yêu cầu ở trình độ đào tạo đại học, học phần bổ sung ở trình độ đào tạo tiến sĩ và học phần tiến sĩ được thực hiện theo qui chế đào tạo theo tín chỉ tại trường Đại học Hồng Đức, ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHHĐ, ngày 26/2/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, bộ môn, khoa và nhà trường phải tổ chức để nghiên cứu sinh hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan ở trình độ tiến sĩ; thời gian, nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận án và bảo vệ luận án tiến sĩ được thực hiện theo Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ (*Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (*Ban hành kèm theo*

*Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ và các quy định cụ thể của trường đại học Hồng Đức./.

*Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Mạnh An**

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

2. Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường đại học;

3. Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ; Thông tư số 05/2012/TT – BGDĐT ngày 15/2/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

4. Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

5. Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

6. Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mô hình đào tạo của giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

7. Quyết định số 867/TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo Sau đại học.

8. Đề án, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam của Viện Sử học – Viện HLKHXH Việt Nam và các trường: ĐHKHXH&NV-ĐHQG Hà Nội; ĐH Vinh.

# PHỤ LỤC

# Phụ lục 1

# QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC CHO PHÉP TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ

**Phụ lục 2**

# BIÊN BẢN THÔNG QUA HỒ SƠ CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA HIỆU TRƯỞNG

# Phụ lục 3

# BIÊN BẢN KIỂM TRA
# CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA

# Phụ lục 4

# BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

# Phụ lục 5

# HỒ SƠ MINH CHỨNG

# PHIẾU ĐIỀU TRA NHU CẦU
# BIÊN BẢN HỘI THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

# BẢN SAO LÝ LỊCH KHOA HỌC VÀ VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

# BẢN SAO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT VÀ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC, CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO UBND TỈNH THANH HÓA

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

# ĐỀ ÁN

## ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**Mã số: 62 22 03 13**

**THANH HOÁ, NĂM 2017**

# MỤC LỤC

Trang

## Phần thứ nhất

**SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN** ..... 1
1. Giới thiệu về Trường Đđại học Hồng Đức ..... 1
1.1. Chức năng, nhiệm vụ ..... 1
1.2. Cơ cấu tổ chức ..... 2
1.2.1 Hệ thống các Khoa đào tạo ..... 2
1.2.2 Hệ thống các Phòng, Ban, Trung tâm: ..... 3
1.3. Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức từ ngày thành lập đến nay (1997-2016) ..... 4
1.3.1. Về đào tạo ..... 4
1.3.2. Về nghiên cứu khoa học ..... 5
1.3.3. Về hợp tác quốc tế ..... 6
1.3.4. Về đội ngũ ..... 8
1.3.5. Cơ sở vật chất và các công tác khác ..... 8
1.3.6. Các giải pháp quản lí chất lượng đào tạo ..... 9
2. Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tại Thanh Hoá và các vùng lân cận ..... 10
2.1. Nhu cầu phát triển của ngành giáo dục và chuyên ngành Lịch sử Việt Nam ..... 10
2.2. Nhu cầu phát triển của Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng ..... 11
2.3. Nhu cầu phát triển của người học ..... 11
2.4. Nhu cầu phát triển của trường đại học Hồng Đức ..... 11
3. Kết quả đào tạo trình độ Đại học và thạc sĩ Lịch sử tại Trường Đại học Hồng Đức 12
3.1. Về đào tạo đại học thuộc ngành Lịch sử ..... 12
3.1.1. Đào tạo đại học chính quy ..... 12
3.1.2. Đào tạo đại học hệ Vừa làm vừa học ..... 13
3.2. Về đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc ngành Lịch sử ..... 13
4. Khoa Khoa học Xã hội – đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam ..... 14
4.1. Về đào tạo ..... 14
4.2. Về nghiên cứu khoa học ..... 15
4.3. Về đội ngũ cán bộ ..... 16
4.4. Cơ sở vật chất ..... 16

4.5 Về kinh nghiệm tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ..... 16
5. Lí do đề nghị cho phép đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam..... 17
**Phần thứ hai**
**MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**..... 20
1. Căn cứ lập đề án..... 20
2. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra..... 20
2.1. Mục tiêu chung ..... 20
2.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra ..... 21
2.2.1. Về kiến thức..... 21
2.2.2. Về kĩ năng..... 21
2.2.3. Về phẩm chất đạo đức..... 22
2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm..... 22
3. Nguồn tuyển ..... 22
4. Thời gian và hình thức tuyển sinh ..... 23
5. Đối tượng tuyển sinh..... 23
6. Thời gian đào tạo, số lượng nghiên cứu sinh, điều kiện tốt nghiệp ..... 26
**Phần thứ ba**
**NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**..... 27
1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng..... 27
1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường ĐH Hồng Đức ..... 27
1.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo..... 33
1.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo..... 33
1.2.2. Thư viện..... 34
1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học..... 43
1.3.1. Danh mục đề tài khoa học của giảng viên đã và đang thực hiện liên quan đến chuyên ngành Lịch sử Việt Nam..... 43
1.3.2. Danh mục các hướng nghiên cứu đề tài luận án và số lượng NCS có thể tiếp nhận..... 45
1.3.3. Danh mục các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam trong 5 năm trở lại đây: ..... 47
1.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học..... 57
**Phần thứ tư**
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM**..... 58
1. Chương trình đào tạo..... 58

1.1. Khái quát chương trình đào tạo ..... 58
1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo ..... 62
1.3. Khung chương trình ..... 64
1.3.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng cử nhân đúng và ngành phù hợp ..... 64
1.3.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam tốt nghiệp từ năm 2000 trở về trước: ..... 67
1.3.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên đúng, chuyên ngành phù hợp ..... 69
1.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo ..... 70
2. Đề cương chi tiết các học phần ở trình độ tiến sĩ ..... 72
2.1. Các học phần bắt buộc ..... 72
2.1.1. Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam . 72
2.1.2. Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam ..... 77
2.1.3. Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại ..... 81
2.1.4. Một số vấn đề cơ bản về lịch sử Việt Nam hiện đại (từ 1945 đến nay) .. 85
2.2. Các học phần tự chọn: Chọn 2 trong số các học phần sau ..... 88
2.2.1. Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858: một số vấn đề cơ bản và cập nhật ..... 88
2.2.2. Một số vấn đề về chuyển biến Kinh tế - Xã hội và văn hóa Việt Nam thời kỳ cận đại ..... 92
2.2.3. Một số vấn đề cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 ... 96
2.2.4. Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam ..... 99
2.2.5. Quá trình hình thành dân tộc trong lịch sử Việt Nam ..... 103
3. Đề cương chi tiết các chuyên đề ở trình độ tiến sĩ ..... 107
3.1. Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt nNam ..... 107
3.2. Một số vấn đề về chiến tranh Cách mạng Việt Nam (1945- 1975) ..... 110
3.3. Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam ..... 114
3.4. Một số vấn đề về quá trình hình thành lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam ..... 118
4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ ..... 123
4.1. Nghiên cứu khoa học ..... 123
4.2. Luận án tiến sĩ ..... 125

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình ..... 127
**TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... **129**

**Phần thứ năm**

PHỤ LỤC
Phụ lục 1
Phụ lục 2
Phụ lục 3
Phụ lục 4
Phụ lục 5
Phụ lục 6